



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG SONADEZI**



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2018**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018





MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	Thông tin khái quát
06	Quá trình hình thành và phát triển
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
	Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
	Định hướng phát triển
	Các rủi ro
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
22	Tổ chức và nhân sự
	Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
	Tình hình tài chính
	Cơ cấu cổ đông, vốn chủ sở hữu
	Báo cáo phát triển bền vững
III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
42	Tình hình tài chính
	Những cải tiến trong năm
	Kế hoạch phát triển trong tương lai
	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
	Báo cáo về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
56	Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
	Kế hoạch và định hướng 2019
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	Hội đồng quản trị
60	Ban kiểm soát
	Các giao dịch, thù lao
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	Ý kiến kiểm toán
74	Báo cáo tài chính kiểm toán 2018

THÔNG TIN CHUNG

01

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI
Tên tiếng Anh	SONADEZI ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	SONAENCO
Giấy CNĐKDN	Số 3600274914 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 07/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 08/05/2018.
Vốn điều lệ	300.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000 đồng
Địa chỉ	Số 12 đường Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Số điện thoại	02513.951771
Số fax	02513.952505
Website	www.sonaenco.com.vn
Mã cổ phiếu	SZE
Logo Công ty	





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1994

Tiền thân của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi là Công ty Dịch vụ Môi trường Đô thị Biên Hòa được UBND tỉnh Đồng Nai thành lập trên cơ sở sáp nhập 2 đơn vị là Xí nghiệp Chế biến gỗ gia dụng và Công ty vệ sinh thành phố Biên Hòa.

2008

Tháng 04/2008, UBND tỉnh Đồng Nai ra quyết định chuyển đổi Công ty Dịch vụ Môi trường Đô thị Biên Hòa thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường Đô thị Biên Hòa.

2010

Tháng 07/2010, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường Đô thị Đồng Nai.

2015

Tháng 01/2015, Công ty là doanh nghiệp thành viên (công ty con) của tổ hợp Tổng công ty Phát triển Khu công nghiệp.

Tháng 07/2015, UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường Đô thị Đồng Nai thành Công ty cổ phần. Đến tháng 10/2015, Công ty được Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường Đô thị Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi.



2016

Tháng 01/2016, Công ty được UBCK chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 304/UBCKGSĐC ngày 18/01/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tháng 11/2016, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2017

Tháng 04/2017, Công ty ra mắt dịch vụ mới: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

2018

Công ty thực hiện các hạng mục tiếp theo trong dự án Khu xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu với giá trị khối lượng thực hiện trong năm là 21.273 triệu đồng.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải sinh hoạt. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế);
- Quét dọn đường bộ, vỉa hè, dịch vụ lau dọn vệ sinh;
- Xử lý nước thải;
- Bán buôn và tái chế phế liệu, sản xuất phân hữu cơ;
- Duy tu, sửa chữa các hệ thống công trình thoát nước, vỉa hè, cầu đường;
- Thi công xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng nhà các loại. San lấp mặt bằng;
- Quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố. Thi công xây dựng, duy tu bảo dưỡng công trình công viên cây xanh. Trồng, cắt tỉa, tạo hình, bán buôn cây xanh, hoa kiểng các loại;
- Xây dựng, quản lý các dịch vụ và duy tu bảo dưỡng phục vụ khu dân cư. Xây dựng, quản lý kinh doanh du lịch, khách sạn, khu vui chơi giải trí, dịch vụ ăn uống, chợ đêm;
- Quản lý, vận hành, duy tu, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông;
- Dịch vụ mai táng, hỏa táng, xây mộ. Đầu tư, xây dựng, quản lý và khai thác nghĩa trang;
- Sản xuất, lắp đặt, bán buôn các thiết bị môi trường;
- Khảo sát thiết kế và thi công các công trình điện chiếu sáng, điện trang trí, điện trung thế và trạm biến áp đến 35KV;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Địa bàn kinh doanh

Công ty cung cấp dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, chủ yếu là Tp. Biên Hòa, các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu và cung cấp các loại hình dịch vụ đô thị cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Tp. Biên Hòa và các doanh nghiệp tại các khu công nghiệp Biên Hòa 1, Biên Hòa 2, Loteco, Amata, Sông Mỹ, Trảng Bom, Hồ Nai.



MỘT SỐ DỊCH VỤ CỦA CÔNG TY



Thu gom chất thải sinh hoạt, y tế



Hủy hàng, phế phẩm



Kinh doanh thùng rác, nhà vệ sinh



Dọn vệ sinh công nghiệp



Chăm sóc, cắt tỉa cây xanh



Thi công, duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng



Duy tu đường, mương, cống thoát nước



Quét rửa đường

HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU



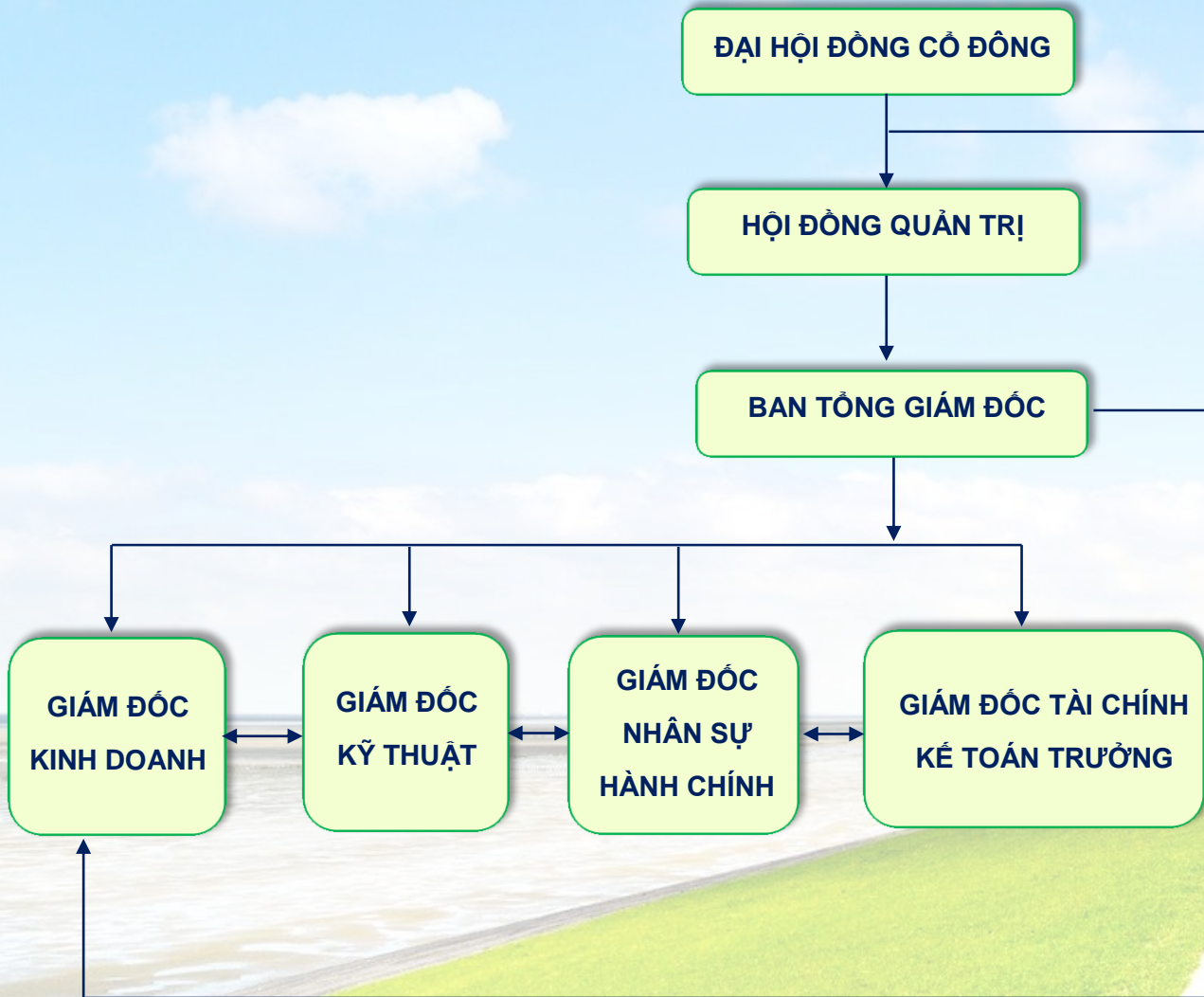
VÌ MỘT ĐÔ THỊ SÁNG – XANH – SẠCH – ĐẸP





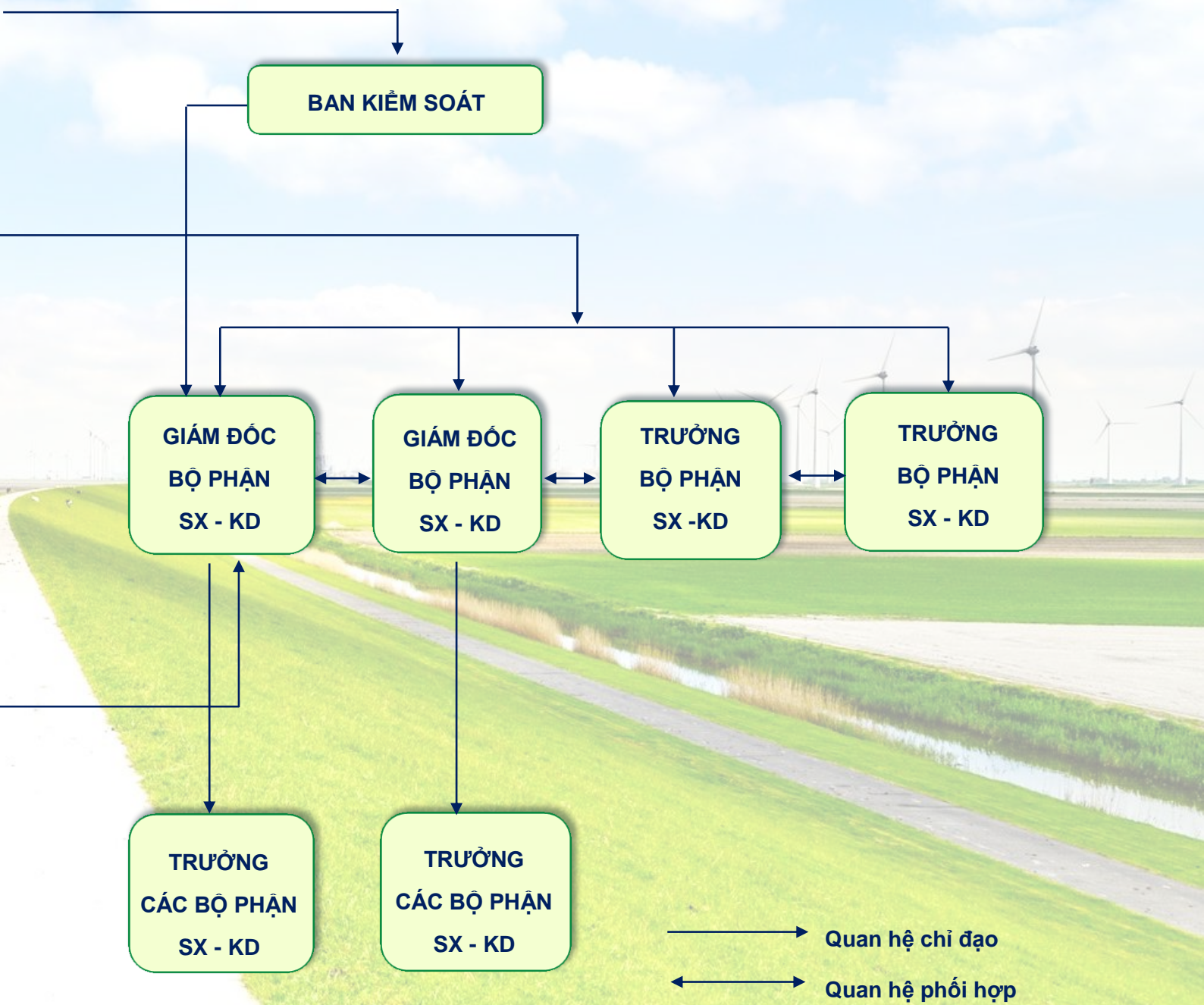
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị



Công ty con, công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Công ty Cổ phần dịch vụ Sonadezi
Địa chỉ	Lầu 8, Tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
Ngành nghề kinh doanh chính	Dịch vụ quản lý môi trường, xử lý nước thải, chất thải sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại, tư vấn môi trường.
Vốn điều lệ	50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
Vốn góp của SZE	5.000.000.000 đồng (chiếm 10% vốn điều lệ)





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu

- Trở thành một công ty có chất lượng dịch vụ tốt, luôn đổi mới, cải tiến, vươn đến hoàn thiện nhằm làm hài lòng khách hàng.
- Tạo công ăn việc làm ổn định, môi trường làm việc năng động, thu nhập cao cho toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty.
- Xây dựng thương hiệu cho Công ty để trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực môi trường đô thị, là lựa chọn số 1 đối với các tổ chức, chủ đầu tư nhờ vào uy tín và khả năng cung cấp dịch vụ tốt nhất.

Mục tiêu đối với môi trường và xã hội

- Góp phần nâng cao chất lượng môi trường sống của cộng đồng là mục tiêu cao nhất. Đáp ứng các nhu cầu của khách hàng về cung cấp các dịch vụ môi trường là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty. Toàn thể Công ty luôn phấn đấu giữ vững vị thế là đơn vị chủ lực trong việc cung cấp các dịch vụ môi trường trên địa bàn Tỉnh Đồng Nai và các vùng lân cận với phương châm: " Vì một đô thị sáng xanh sạch đẹp"
- Tiết kiệm nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu chất thải nguy hại tại nguồn, xử lý chất thải phù hợp với yêu cầu của Pháp luật. bảo vệ môi trường phòng ngừa ô nhiễm từ nguồn.
- Nâng cao nhận thức cho toàn thể cán bộ công nhân viên thông qua công tác đào tạo và các hoạt động vì môi trường.
- Cam kết cung cấp nguồn lực thích hợp, thường xuyên duy trì cải tiến để nâng cao hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản lý tích hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015 và ISO 14001-2015 trong toàn Công ty.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Triển khai dự án xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp tại xã Vĩnh Tân huyện Vĩnh Cửu.
- Phát triển nguồn nội lực của công ty bằng việc chú trọng đào tạo cán bộ trẻ, thực hiện những chính sách đãi ngộ nhằm giữ chân người giỏi và thu hút nguồn lao động có chuyên môn.
- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hiện có và triển khai mở rộng các loại dịch vụ này xuống các huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Lấy chất lượng dịch vụ, thái độ phục vụ khách hàng và giá thành hợp lý làm lợi thế cạnh tranh. Tập trung cải thiện chăm sóc khách hàng bằng cách tổ chức hội nghị khách hàng để lắng nghe ý kiến đóng góp khách hàng nhằm hoàn thiện dịch vụ, sản phẩm của Công ty; tổ chức các đợt chăm sóc khách hàng định kỳ,...
- Công ty chủ động ứng dụng các công cụ Online Marketing thông qua nâng cấp, cải tiến Website của Công ty để khách hàng, cổ đông dễ dàng tiếp cận thông tin. Điều này được kỳ vọng là một trong những phương pháp hiệu quả cho hoạt động quảng bá thương hiệu của Công ty.

Hơn 20 năm qua Công ty là đơn vị chủ lực cung cấp dịch vụ thu gom vận chuyển xử lý rác trên địa bàn Thành Phố Biên Hòa và Tỉnh Đồng Nai, góp phần xây dựng Thành Phố Biên Hòa là đô thị loại I và là một trong 20 đô thị sạch đẹp nhất cả nước.



- Ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình hoạt động, cung ứng dịch vụ của công ty nhằm đảm bảo giá thành hợp lý, rút ngắn thời gian cung ứng, đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- Đầu tư phát triển các lĩnh vực môi trường, dịch vụ công ích; Cân đối nguồn vốn chủ sở hữu và vốn vay trong cơ cấu vốn nhằm đảm bảo ổn định tài chính, phù hợp với mục tiêu phát triển của công ty trong dài hạn.
- Tập trung nguồn lực vào các ngành nghề chính của Công ty thuộc lĩnh vực môi trường, dịch vụ công ích. Ngoài ra, Công ty sẽ cân nhắc mở rộng đầu tư sang những lĩnh vực khác có liên quan nhằm đa dạng nguồn khách hàng, nâng cao doanh thu cho công ty.



RỦI RO



Rủi ro về kinh tế

Sự vững mạnh và phát triển của nền kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng để Chính phủ ra các quyết định đầu tư vào cơ sở hạ tầng tại các địa phương cũng như phát triển cảnh quan - bộ mặt của các khu đô thị trên địa bàn cả nước. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích, SZE vì thế cũng chịu tác động từ các yếu tố của nền kinh tế.

Năm 2018, tăng trưởng kinh tế thế giới có dấu hiệu chững lại và tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường. Hoạt động thương mại và đầu tư toàn cầu cũng bị suy giảm trong bối cảnh cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc diễn biến phức tạp. Sự giảm tốc ở một số nền kinh tế lớn, đặc biệt là Trung Quốc, cũng làm ảnh hưởng tới tăng trưởng của nhóm các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển.

Mặc dù điều kiện bên ngoài đã trở nên kém lạc quan hơn, kinh tế nước ta vẫn được giữ vững nhờ vào đà tăng trưởng từ năm 2017 cũng như những nỗ lực, quyết tâm rất lớn từ phía Chính phủ trong việc đưa ra các giải pháp thực thi nhằm thúc đẩy tăng trưởng. Nhờ đó, kinh tế Việt Nam năm 2018 đạt nhiều kết quả khả quan. GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây và là tiền đề quan trọng để kinh tế Việt Nam có thể bứt phá trong năm 2019 và các giai đoạn phát triển sau. Vốn đầu tư toàn xã hội đạt loại khá, tăng 11,2%. Xét riêng tỉnh Đồng Nai, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 7.206 tỷ đồng, dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép mới có giá trị 989 triệu USD. Bên cạnh đó, việc chính quyền tỉnh thực hiện quy hoạch đô thị, công nghiệp và dịch vụ đồng bộ, Đồng Nai đã trở thành một trong những thị trường hấp dẫn nhà đầu tư.

Trong xu hướng đó, cơ sở hạ tầng, cảnh quan đô thị được dự báo sẽ có nhiều thay đổi, phù hợp với sự phát triển của địa phương. Đây là một cơ hội để SZE đẩy mạnh hoạt động, đưa ra các chiến lược trung và dài hạn cho mình. Bên cạnh đó, SZE cũng không chủ quan, luôn cập nhật tình hình kinh tế - xã hội để có những quyết định phù hợp.



Rủi ro về pháp luật

Các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam đều chịu sự chi phối từ các văn bản Luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Lao động,... và các văn bản dưới Luật liên quan. Trong giai đoạn hội nhập hiện nay, Chính phủ đang nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam để thu hút nguồn vốn bên ngoài. Chính vì thế, các chính sách kinh tế trong thời gian tới có thể sẽ có những thay đổi.

Do đó, SZE bên cạnh việc nghiêm chỉnh chấp hành theo các quy định của các văn bản pháp luật hiện hành, Công ty còn phải liên tục theo dõi, cập nhật thông tin và linh hoạt điều chỉnh các hoạt động của doanh nghiệp nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh được liên tục, không vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng đến tài chính và hình ảnh của Công ty. Với bề dày kinh nghiệm 20 năm, SZE hiện nay là một doanh nghiệp lớn và có uy tín nhất về cung cấp các loại hình dịch vụ trong lĩnh vực môi trường đô thị cho các cá nhân, doanh nghiệp và khu công nghiệp trên địa bàn TP. Biên Hòa nói riêng và tỉnh Đồng Nai nói chung. Để giữ vững vị thế đó và ngày càng phát triển vững mạnh hơn, SZE không ngừng tự cải thiện mình, lấy chất lượng dịch vụ, thái độ phục vụ khách hàng và giá thành hợp lý làm lợi thế cạnh tranh, ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao hiệu quả công việc,...

Rủi ro môi trường

Là một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ về môi trường, SZE luôn ý thức được trách nhiệm của mình đối với môi trường. Dù vậy, quá trình thu gom, vận chuyển rác thải của Công ty dễ gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Ngoài ra, tình trạng quá tải của các bãi chứa rác cũng là một nguyên nhân gây khó khăn cho công việc xử lý rác thải của Công ty. Để khắc phục những vấn đề này, Công ty đang tiến hành xây dựng các bãi xử lý rác, khu xử lý chất thải,... bên cạnh đó phối hợp với các ban ngành của UBND thành phố Biên Hòa trồng cây xanh, tham khảo các đề xuất xử lý và phòng tránh các vấn đề ô nhiễm. Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư. Ngoài ra, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống.



Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro chính, Công ty còn phải chú ý đến các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động,... Những rủi ro này tuy hiếm xảy ra nhưng nó có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty. Do đó, để đảm bảo an toàn cho người lao động, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục và tránh các tổn thất không đáng có, doanh nghiệp luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội,... thực hiện mua đầy đủ các loại bảo hiểm cần thiết trong năm.



RỦI RO

Rủi ro đặc thù ngành



Rủi ro về giá

SZE hoạt động trong lĩnh vực công ích nên đơn giá đầu ra các dịch vụ của Công ty chịu sự kiểm soát của các cơ quan ban ngành. Hiện nay, các chính sách giá dịch vụ đô thị chưa đúng với chi phí thực tế, mặc dù các chi phí đầu vào như chi phí nguyên vật liệu đầu vào, tiền lương nhân công có xu hướng tăng nhưng giá dịch vụ vẫn chưa được điều chỉnh tăng tương ứng. Điều này gây ra cho các doanh nghiệp cùng ngành nói chung cũng như SZE nói riêng những khó khăn nhất định về mặt tài chính. Bên cạnh đó, giá dịch vụ xử lý rác chưa được phê duyệt kịp thời ảnh hưởng đến việc ghi nhận doanh thu và thanh toán công nợ của các ban ngành. Trước vấn đề này, SZE đã đưa ra các chiến lược tài chính, đầu tư trung và dài hạn như việc cân nhắc đầu tư sang những lĩnh vực khác có liên quan nhằm đa dạng nguồn khách hàng, nâng cao doanh thu cho Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ công ích, nâng cao chất lượng dịch vụ, Chính phủ đã chỉ đạo UBND các địa phương tích cực áp dụng rộng rãi hình thức đấu thầu thay vì cơ chế đặt hàng các doanh nghiệp Nhà nước.

Đây vừa là cơ hội giúp các doanh nghiệp tư nhân tham gia thị trường, vừa đặt các doanh nghiệp vào một áp lực cạnh tranh, phải nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư trang thiết bị hiện đại,... để tạo ra lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

Rủi ro hoạt động

Bên cạnh những tác động tích cực, sự phát triển của tỉnh Đồng Nai kéo theo việc nhiều công trình được đầu tư và thi công gây ra những khó khăn nhất định cho hoạt động thu gom và vận chuyển rác của Công ty. Ngoài ra, tình trạng bão lụt, mưa dài hạn cũng ảnh hưởng đến hoạt động xử lý rác.

Bên cạnh đó, hoạt động chính của Công ty là thu gom và xử lý rác thải, chất thải. Chất lượng của dịch vụ vệ sinh môi trường chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan bên ngoài như cơ sở hạ tầng của địa phương (như hệ thống giao thông, cơ cấu quy hoạch), ý thức của người dân địa phương về bảo vệ môi trường,... Với lượng rác thải khó xử lý ngày càng nhiều, nếu ý thức giữ gìn vệ sinh chung của người dân chưa đồng bộ, cộng thêm hệ thống xử lý chất thải của đô thị chưa đáp ứng đủ nhu cầu sẽ tạo thêm áp lực công việc cho đội ngũ nhân viên của công ty. Với những nỗ lực tuyên truyền của Chính quyền địa phương, vấn đề bảo vệ môi trường ngày càng được người dân quan tâm. Người dân đã quan tâm nhiều hơn đến việc bảo vệ môi trường, phân loại rác thải, sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường,... Điều đó đã đem lại những tác động tích cực đến hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đang thực hiện xây dựng công trình Bãi xử lý rác Trảng Dài và công trình Khu xử lý chất thải huyện Vĩnh Cửu nhằm đáp ứng yêu cầu công việc, gia tăng hiệu quả hoạt động và góp phần giữ gìn môi trường tại địa phương.

Bảo đảm an toàn cho tính mạng và sức khỏe của người lao động cũng là một vấn đề cần quan tâm của Công ty. Công việc tiếp xúc với các chất thải thường xuyên, đặc biệt là chất thải độc hại có thể gây ra ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của công nhân. Quá trình thi công, duy tu sửa chữa hệ thống điện, chiếu sáng cũng có thể gặp nguy cơ bị điện giật. Do vậy, để đảm bảo an toàn cho người lao động, Công ty đã tạo ra một môi trường làm việc lành mạnh, với văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

02

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, vốn chủ sở hữu

Báo cáo phát triển bền vững



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thực hiện năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% TH 2018/ KH 2018	% TH 2018/ TH 2017
Doanh thu thuần	338.580	277.369	353.498	127,45%	104,41%
Lợi nhuận từ HĐKD	32.688	-	34.312	-	104,97%
Lợi nhuận khác	587	-	990	-	168,65%
Lợi nhuận trước thuế	33.275	28.940	35.302	121,98%	106,09%
Lợi nhuận sau thuế	26.753	24.510	28.584	116,62%	106,84%
Tỉ lệ cổ tức	7,00%	7,00%	7,00%	100,00%	100,00%

SONAENCO đã có một năm hoạt động hiệu quả khi các kết quả kinh doanh của SZE đều đạt kết quả khả quan. Các chỉ tiêu về doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế (EAT) đều cao hơn so với cùng kỳ năm 2017 và vượt kế hoạch đề ra.

Cụ thể, doanh thu thuần 2018 là 353.498 triệu đồng, bằng 104,41% so với cùng kỳ và vượt 27,45% so với mức kế hoạch. Do đặc thù của dịch vụ công ích, biên lợi nhuận thường ổn định qua các năm, do đó, sự gia tăng doanh thu đến từ việc Công ty đã tăng khối lượng công việc trong năm. Bên cạnh đó, trong năm Công ty đã trúng thêm các gói thầu mới như trúng thầu vận chuyển rác tại 03 huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu; trúng thầu các công trình duy tu có vật liệu.

Biên lợi nhuận gần như không đổi nên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng tương đương với mức tăng doanh thu thuần, tăng 4,97%. Bên cạnh đó, lợi nhuận khác đến từ hoạt động bán thùng rác, cho thuê nhà vệ sinh,... của Công ty cũng có sự gia tăng, giúp cho lợi nhuận sau thuế của SZE đạt 28.584 triệu đồng, bằng 106,84% năm 2018 và vượt 16,62% so với kế hoạch.

Năm 2018, Công ty vẫn duy trì mức chi trả cổ tức như kế hoạch là 7%, bằng với mức cổ tức năm 2017.

Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Cung cấp dịch vụ	336.328	99,33%	350.764	99,23%
Bán hàng hóa	1.824	0,54%	2.167	0,61%
Doanh thu với các bên liên quan	428	0,13%	567	0,16%
Tổng cộng	338.580	100,00%	353.498	100,00%

Cơ cấu doanh thu thuần của SZE năm 2018 hầu như không thay đổi so với năm 2017. Hoạt động cung cấp dịch vụ vẫn đem lại doanh thu chủ yếu cho Công ty, chiếm 99,23%, tương đương 350.764 triệu đồng. Trong năm, Công ty đã tăng thêm khối lượng công việc, nhờ đó, doanh thu cung cấp dịch vụ tăng 14.436 triệu đồng so với năm 2017.

Doanh thu hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu. Dù vậy, giá trị của các khoản mục này cũng đã tăng so với cùng kỳ năm trước, lần lượt tăng 343 triệu đồng và 139 triệu đồng.

Tương ứng với sự tăng lên của doanh thu thuần, giá vốn của Công ty cũng tăng 4,62%. Đây cũng là khoản chi phí lớn nhất của Công ty, bằng 90,90% tổng chi phí. Đứng thứ hai là chi phí quản lý doanh nghiệp, chiếm 8,96%, chủ yếu là chi phí nhân viên quản lý 11.600 triệu đồng, chi phí lợi thế thương mại phân bổ 5.103 triệu đồng, các khoản chi bằng tiền khác 8.139 triệu đồng. Ngoài ra còn có các khoản chi phí khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ, bằng 0,12%

Trong năm Công ty có phát sinh thêm một khoản chi phí lãi vay trị giá 55 triệu đồng.



Cơ cấu chi phí

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	281.039	90,61%	294.015	90,90%
Chi phí tài chính	-	-	55	0,02%
Chi phí bán hàng	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.615	9,23%	28.986	8,96%
Chi phí khác	493	0,16%	395	0,12%
Tổng cộng	310.147	100,00%	323.451	100,00%





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Trần Anh Dũng	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Ngọc Danh	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Quách Ngọc Bửu	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Trần Võ Hoài Hương	Kế Toán trưởng

Lý lịch Ban điều hành

Ông Trần Anh Dũng - Tổng Giám đốc

Năm sinh	28/04/1971
Địa chỉ thường trú	29 đường 6 Khu nhà ở Bắc Đinh Bộ Lĩnh, Nguyễn Xí, KP3, P26, Bình Thạnh, Tp. HCM.
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2018	5.797.484 cổ phần, chiếm 19,32% VĐL.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	84.638 cổ phần, chiếm 0,28% VĐL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	5.712.846 cổ phần, chiếm 19,04% VĐL (đại diện cho Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp).

Ông Nguyễn Ngọc Danh - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	05/08/1959
Địa chỉ thường trú	197 KP4, phường Thống Nhất, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính kế toán
Số cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2018	3.019.020 cổ phần, chiếm 10,06%VĐL.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	19.020 cổ phần, chiếm 0,06%VĐL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	3.000.000 cổ phần, chiếm 10,00% VĐL (đại diện cho Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp).



Bà Quách Ngọc Bửu – Phó tổng giám đốc

Năm sinh	07/04/1976
Địa chỉ thường trú	18/8A, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2018	90.845 cổ phần, chiếm 0,30% VĐL.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	15.845 cổ phần, chiếm 0,05% VĐL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	75.000 cổ phần, chiếm 0,25% VĐL (đại diện cho Công đoàn Cơ sở Công ty).

Bà Trần Võ Hoài Hương – Kế toán trưởng

Năm sinh	09/04/1985
Địa chỉ thường trú	103/53, KP3, phường Trung Dũng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh doanh và quản lý
Số cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2018	1.508.431 cổ phần, chiếm 5,03% VĐL.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	8.431 cổ phần, chiếm 0,03% VĐL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	1.500.000 cổ phần, chiếm 5,00% VĐL (đại diện cho Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp).



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi trong Ban điều hành

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 tại ngày 17/04/2018:

- ❖ Bổ nhiệm ông Trần Anh Dũng giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi
- ❖ Bổ nhiệm ông Bạch Văn Hiền giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi

Tình hình người lao động

Mức lương bình quân của cán bộ, nhân viên

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Số lượng cán bộ/nhân viên	Người	753	730	699
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	11.749.249	9.511.657	9.949.939

Tổng số lượng cán bộ, công nhân viên của SZE tính đến ngày 31/12/2018 là 699 người.

Phân theo trình độ lao động, do hoạt động chính của Công ty là vệ sinh đô thị nên lao động phổ thông chiếm tỷ trọng chủ yếu trong lực lượng lao động của Công ty. Cuối năm 2018, lao động phổ thông là 370 người, chiếm 52,93%. Tiếp theo là công nhân kỹ thuật chiếm 29,61%.

Phân theo loại hợp đồng lao động, chủ yếu là lao động có hợp đồng không thời hạn, chiếm 78,4%.

Thu nhập bình quân của cán bộ, nhân viên năm 2018 là 9.949.939 đồng/người/tháng, cao hơn 4,61% so với mức thu nhập năm 2017.



Tình hình người lao động

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2018

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	699	100,00%
1	Trình độ trên đại học	9	1,29%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	95	13,59%
3	Trình độ trung cấp	18	2,58%
4	Công nhân kỹ thuật	207	29,61%
5	Lao động phổ thông	370	52,93%
II	Theo loại hợp đồng lao động	699	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	548	78,40%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	7	1,00%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	144	20,60%
III	Theo giới tính	699	100,00%
1	Nam	575	82,26%
2	Nữ	124	17,74%





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc

Bộ phận gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận sản xuất trực tiếp làm việc theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì Cán bộ công nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà Nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ ốm, thai sản

Cán bộ công nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm các tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết

Cán bộ công nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Những cán bộ công nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những cán bộ công nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Đối với những cán bộ công nhân viên làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì được nghỉ phép 14 ngày mỗi năm và được nghỉ phép 16 ngày đối với những cán bộ công nhân viên làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc người làm việc ở những nơi có điều kiện sinh sống đặc biệt khắc nghiệt. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty cán bộ công nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.

Điều kiện làm việc

Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài

Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các cán bộ công nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân cán bộ công nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý SXKD, an toàn lao động và an toàn vệ sinh sản xuất nước,... từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà Nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương theo cấp bậc và tay nghề. Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, hàng năm, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các dự án đã thực hiện trong năm 2018

Khu xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu

Mục tiêu thực hiện

Nhằm giải quyết được vấn đề xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Tp. Biên Hòa và chất thải công nghiệp cho các KCN trên địa bàn tỉnh, giảm thiểu các vấn đề về ô nhiễm môi trường.

Tổng đầu tư

339.200.000.000 đồng.

Quy mô

Dự án được thực hiện với diện tích 21,7ha.

- Chất thải rắn sinh hoạt: 900.908 tấn.
- Bùn: 200.750 m³. Trong đó: Bùn hầm cầu khoảng 182.500 m³; Bùn hệ thống xử lý nước thải: 18.250 m³.
- Chất thải công nghiệp thông thường: 330.614 tấn.
- Chất thải nguy hại: 151.127 tấn.
- Tổng công suất chôn lấp chất thải: 1.583.399 tấn/10 năm.

Tiến độ thi công

Dự án được chia làm nhiều giai đoạn xây dựng.

- Giai đoạn 01 bắt đầu xây dựng từ 2015 - 2016 với các hạng mục như sau: Hồ sinh hoạt 5, Hồ công nghiệp 2; Hệ thống xử lý nước thải 100 m³; Hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ.
- Giai đoạn 2 bắt đầu xây dựng từ 2017 với các hạng mục sau: Hồ sinh hoạt 4.
- Giai đoạn 3 bắt đầu xây dựng từ 2018 –2020: Hồ nguy hại 1; Hồ công nghiệp 1; Hồ sinh hoạt 3; hạ tầng kỹ thuật; Hồ nguy hại 2; hệ thống xử lý nước thải đơn nguyên thứ 2.
- Giai đoạn 4 bắt đầu xây dựng từ 2021 – 2022: Hồ công nghiệp 3, hạ tầng kỹ thuật; Hồ sinh hoạt 1, hạ tầng kỹ thuật.
- Giai đoạn 5: bắt đầu xây dựng từ 2023 xây dựng hồ sinh hoạt 2.

Tình hình chi thực hiện trong năm

21.273 triệu đồng

Đầu tư xe chuyên dùng



Mục tiêu thực hiện

- Thay thế những phương tiện đã trang bị từ lâu, nay chuẩn bị hết hạn sử dụng.
- Trang bị thêm loại phương tiện có khả năng hoạt động mạnh mẽ, tính năng hỗ trợ cao và hiệu quả hơn nhằm phục vụ công tác giữ gìn vệ sinh môi trường, tái lập vẻ mỹ quan thành phố, tiết kiệm chi phí, góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai.
- Đầu tư thêm phương tiện vật chất đáp ứng nhu cầu phục vụ công tác trên địa bàn thành phố Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Nhơn Trạch, huyện Long Thành và vận chuyển rác thải từ Tp. Biên Hòa về khu xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp xã Vĩnh Tân huyện Vĩnh Cửu của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi.

Tổng đầu tư

9.784.545.564 đồng.

Quy mô, công suất

Đầu tư 01 xe ép rác chuyên dùng loại 3 tấn; 01 xe ép rác chuyên dùng loại 5 tấn; 02 xe ép rác chuyên dùng loại 12 tấn.

Tiến độ thi công

Đã hoàn thành.

Tình hình chi thực hiện trong năm

6.369 triệu đồng.

Các khoản đầu tư tài chính phát sinh trong năm 2018: Không có



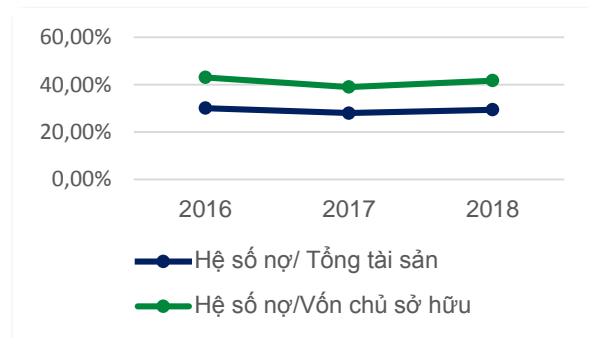
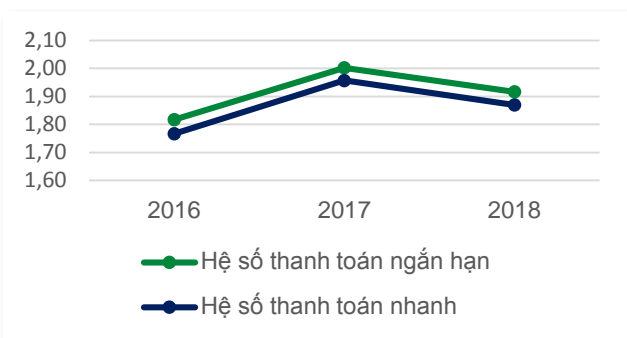
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	2018/2017 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	474.561	489.805	103,21%
2	Doanh thu thuần	338.580	353.498	104,41%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.688	34.312	104,97%
4	Lợi nhuận khác	587	990	168,65%
5	Lợi nhuận trước thuế	33.275	35.302	106,09%
6	Lợi nhuận sau thuế	26.753	28.584	106,84%

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,00	1,92
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,96	1,87
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	28,09%	29,48%
	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	39,06%	41,81%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	41,39	45,85
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,70	0,73
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	7,90%	8,09%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	7,77%	8,33%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	5,51%	5,93%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	9,65%	9,71%



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm 2018, các hệ số thanh toán đều được giữ ổn định. Hệ số thanh toán ngắn hạn là 1,92 lần, giảm 0,09 lần so với năm 2017, hệ số thanh toán nhanh là 1,87, giảm 0,09 lần. Nợ ngắn hạn của Công ty tại thời điểm cuối năm tăng so với năm trước, trong đó chủ yếu là chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Xử lý rác huyện Vĩnh Cửu 47.382 triệu đồng, chi phí phải trả người bán ngắn hạn 16.674 triệu đồng,... Dù vậy, các khoản nợ này vẫn được đảm bảo thanh toán bởi tài sản ngắn hạn của Công ty.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn của Công ty không biến động lớn so với năm trước. Hệ số nợ trên tổng tài sản tăng 1,39% từ 28,09% lên 29,48%. Trong năm Công ty không thực hiện vay dài hạn. Khoản nợ ngắn hạn của Công ty chủ yếu là chi phí bồi thường mặt bằng, chi phí phải trả người bán,... Đến thời điểm cuối năm 2018, Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Là doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ môi trường đô thị nên hàng tồn kho của SZE chủ yếu là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ dùng trong các hoạt động cắt tỉa cây xanh, vệ sinh môi trường, thi công công trình chiếu sáng,... Do đó, chỉ số này không mang nhiều ý nghĩa đối với Công ty. Trong năm 2018, vòng quay hàng tồn kho là 45,85 vòng, tăng 4,46 vòng. Với đặc thù của ngành dịch vụ công ích, tài sản của Công ty có giá trị lớn, tuy nhiên biên lợi nhuận của ngành thường không cao nên số vòng quay tài sản của Công ty tương đối nhỏ. Năm 2018, vòng quay tài sản của Công ty là 0,73, tăng 0,03 vòng. Điều này cho thấy năng lực quản lý tài sản của Công ty đã được cải thiện so với năm 2017.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty tăng trưởng qua các năm. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2018 đều tăng. Trong năm, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của SZE tăng 4,97%, chủ yếu là do Công ty tăng các khoản doanh thu cố định cũng như trúng thêm các gói thầu mới, tuy nhiên do biên lợi nhuận hầu như không đổi so với năm trước nên chỉ tiêu lợi nhuận hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần của Công ty chỉ biến động nhẹ, tăng 0,05%, đạt 9,71% trong năm 2018. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu và trên tài sản tăng khá tốt, giá trị ROE và ROA lần lượt tăng 0,56% và 0,42%.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phiếu

Số cổ phiếu đã phát hành	30.000.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000 cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá	10.000 đồng
Cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Cổ phiếu ưu đãi	0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông đến ngày 31/12/2018

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL
I	Cổ đông trong nước	713	29.996.300	299.963.000.000	99,99%
1	Cổ đông nhà nước	1	19.212.846	192.128.460.000	64,04%
2	Cổ đông tổ chức	2	4.050.000	40.500.000.000	13,50%
3	Cổ đông cá nhân	710	6.733.454	67.334.540.000	22,44%
II	Cổ đông nước ngoài	2	3.700	37.000.000	0,01%
1	Tổ chức	-	-	-	0,00%
2	Cá nhân	2	3.700	37.000.000	0,01%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	0,00%
Tổng cộng		715	30.000.000	300.000.000.000	100,00%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/ hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	301449021	36 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. HCM	3.900.000	13,00%
2	Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công Nghiệp	3600335363	01, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hoà, T. Đồng Nai	19.212.846	64,04%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu của Công ty là các công cụ, vật tư phục vụ cho hoạt động vệ sinh môi trường, chăm sóc công viên như thùng rác, chổi, cào, hạt giống, phân bón, thuốc trừ sâu, các chế phẩm khử mùi, xử lý rác (BIO-L2100CHV, PAC, RO-1, RO-2, NaOH,...),... Với mục tiêu cung cấp các dịch vụ chất lượng, an toàn, nguồn nguyên liệu, vật tư, công cụ dụng cụ đầu vào luôn được Công ty chú ý lựa chọn nhằm tránh rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại đến môi trường sống cũng như cộng đồng dân cư và làm giảm hiệu quả công việc của Công ty. Chất lượng nguồn nguyên vật liệu được bảo đảm thông qua công tác chọn lọc, đánh giá nhà cung ứng, đảm bảo có chứng nhận CQ, CO đối với các mặt hàng theo tiêu chuẩn quy định. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và có thể tái chế, tái sử dụng được. Ngoài ra, đối với các hóa chất dùng trong xử lý rác thải, Công ty cũng có những quy định về sử dụng, bảo quản nghiêm ngặt nhằm tránh trường hợp sử dụng hóa chất vượt mức, gây ô nhiễm môi trường.



Tiêu thụ năng lượng

Hoạt động vận chuyển rác, vận hành thiết bị chuyên dụng của Công ty chủ yếu sử dụng nguồn năng lượng loại xăng dầu, điện năng. Cụ thể trong năm 2018, Công ty đã tiêu thụ năng lượng như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Tổng tiền (trước thuế)
1	Tổng xăng tiêu thụ	Lít	105.307,50	2.179.078.820
2	Tổng dầu tiêu thụ	Lít	1.897.667,50	32.514.740.705
3	Tổng Nhớt tiêu thụ	Kg	15.308,00	965.934.800
4	Tổng dầu hỏa tiêu thụ	Lít	351,00	5.390.010
5	Tổng mỡ bò tiêu thụ	Kg	197,00	15.957.000
6	Tổng ga tiêu thụ	tấn	63,70	1.213.622.723
7	Tổng chế phẩm xử lý rác, khử mùi	Gallon	6.165,00	10.648.636.363
Tổng				47.543.360.421

Để nâng cao nhận thức cho cán bộ, công nhân viên Công ty về sử dụng năng lượng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động đến môi trường sống, Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm khuyến khích người lao động đóng góp sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả. Trong năm 2019, Công ty còn xây dựng kế hoạch cụ thể để đạt được các mục tiêu về chất lượng – môi trường của Công ty, trong đó có các mục tiêu về giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên.



Tiêu thụ nước

STT	Loại hoạt động	Tổng lượng nước sử dụng (lít)	Tỷ trọng (%)
1	Gián tiếp	1.328.000	3,01%
2	Trực tiếp	42.725.000	96,99%
Tổng		44.053.000	100,00%

Trong năm 2018, Công ty tiêu thụ tổng cộng 44.053.000 lít nước. Trong đó, hoạt động trực tiếp của Công ty như chăm sóc cây xanh, cây cảnh, và quét dọn đường phố vỉa hè chiếm 42.725.000 lít nước tiêu thụ, tương đương 96,99%. Các hoạt động gián tiếp bao gồm quản lý doanh nghiệp, công tác diễn tập PCCC,... chiếm 1.328.000 lít, tương đương 3,01%.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, không có trường hợp bị xử phạt.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương

Bên cạnh các mục tiêu kinh doanh gắn liền với lợi ích của người lao động và cổ đông, Công ty cũng ý thức chia sẻ trách nhiệm với sự phát triển của cộng đồng. Công ty tích cực tham gia các phong trào tình nguyện và các chương trình từ thiện tại địa phương nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng dân cư xung quanh địa bàn Công ty hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty cũng chung tay với cả nước trong các hoạt động hỗ trợ đồng bào vùng bão lũ, thiên tai, và các hoạt động hướng về biển đảo quê hương. Cụ thể, trong năm Công ty đã tham gia các hoạt động:

- Hỗ trợ "Chiến dịch tình nghĩa hè 2018", trao quà cho trẻ em nghèo học giỏi .
- Hỗ trợ kinh phí cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học, các cháu khuyết tật và nạn nhân chất độc màu da cam.
- Hỗ trợ kinh phí xây dựng đường giao thông nông thôn tại huyện Vĩnh Cửu.
- Ủng hộ "Quý đền ơn đáp nghĩa".
- Hỗ trợ viện phí cho bệnh nhân nghèo tại Bệnh viện Đa Khoa Đồng Nai.



Chính sách với người lao động

Nhận thức chất lượng nguồn nhân lực là động lực phát triển lâu dài, Công ty đã có những chính sách thu hút, đào tạo và giữ chân nhân tài.

Cán bộ Công nhân viên chức Công ty được làm việc trong môi trường văn phòng, nhà xưởng khang trang, thoáng mát, lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với cán bộ công nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân cán bộ công nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Công ty còn thực hiện khám sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên lao động 01 lần/năm đối với người lao động làm việc trong điều kiện bình thường và 02 lần/năm 2018 đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại.





Chính sách với người lao động



Về chính quyền

- Giải quyết các chế độ bảo hiểm như: Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn.
- Được trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại cho người lao động.
- Chăm lo quà Tết cho cán bộ, công nhân viên (CBCNV) trong toàn công ty.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBCNV
- Tổ chức lễ tuyên dương, tặng quà cho con em của CBCNV có thành tích học tập tốt.
- Tổ chức đào tạo các lớp học ngắn hạn, dài hạn cho CBCNV nhằm nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Tổ chức các chuyến tham quan nghỉ mát hàng năm cho toàn thể CBCNV, đặc biệt là các cá nhân có thành tích xuất sắc.

Về công đoàn

- Hàng năm vào tháng 7 CĐCS tổ chức Hội thao, hội thi hát Karaoke cho toàn thể CBCNV trong công ty với các bộ môn: bóng đá, cờ tướng, cầu lông,...
- Nhân ngày 08/03 và 20/10, CĐCS tổ chức cuộc thi nấu ăn, tặng quà cho cán bộ nữ, mỗi phần quà trị giá 200.000 đồng.
- Tháng công nhân CĐCS luôn chăm lo và tặng quà cho công nhân lao động làm việc xa nhà có hoàn cảnh khó khăn.

Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo về trách nhiệm với môi trường và xã hội



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Bối cảnh môi trường kinh doanh

Về nội lực của Công ty, SZE là doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm hơn 20 năm trong ngành. Công ty hiện đang cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải công cộng trên địa bàn 30 phường xã thuộc Thành phố Biên Hòa và đã chiếm lĩnh được thị phần lớn trong ngành môi trường tại Thành phố Biên Hòa.

SONAENCO cung cấp các dịch vụ về môi trường trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Đây là một trong những trung tâm công nghiệp năng động nhất cả nước với cơ sở hạ tầng phát triển. Những năm gần đây, tỉnh đang đầu tư xây dựng mô hình đô thị công nghiệp, dịch vụ tập trung, hiện đại. Điều này đã và đang thu hút nhiều dự án khu đô thị thương mại, khu du lịch sinh thái với hạ tầng đô thị đồng bộ,... Trong xu hướng đó, cảnh quan đô thị được dự báo sẽ có nhiều thay đổi, phù hợp với sự phát triển của địa phương. Nhu cầu chỉnh trang bộ mặt thành phố như chăm sóc công viên cây xanh, vệ sinh đường phố từ đó cũng sẽ tăng cao.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, SONAENCO luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của các Sở ngành, UBND Tỉnh, Thành phố và các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu tạo điều kiện cho Công ty phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời, phối hợp giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Đây là những nhân tố thuận lợi góp phần giúp cho SZE mở rộng quy mô hoạt động và tăng trưởng trong thời gian tới.



Đánh giá tình hình hoạt động trong năm



Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được của SONAENCO năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH 2018/ KH 2018	TH 2018/ TH 2017
I	Tổng doanh thu	343.422	277.369	358.753	129,34%	104,46%
1	Đấu thầu	209.893	154.951	219.858	141,89%	104,75%
2	Giao kế hoạch	43.865	43.699	46.181	105,68%	105,28%
3	Tự khai thác	84.822	78.719	87.458	111,10%	103,11%
4	Hoạt động tài chính	3.762	-	3.870	-	102,87%
5	Thu nhập khác	1.080	-	1.385	-	128,24%
II	Kết quả kinh doanh					
1	Tổng chi phí	310.147	-	323.451	-	104,29%
2	Lợi nhuận trước thuế	33.275	28.940	35.302	121,98%	106,09%
3	Lợi nhuận sau thuế	26.753	24.510	28.584	116,62%	106,84%
4	Nộp ngân sách (không thuế TNCN)	28.996	22.658	23.663	104,44%	81,61%
5	Tỷ suất LNST/ Vốn chủ sở hữu (%)	8,07	8,01	9,24	115,36%	114,50%

Đánh giá tình hình hoạt động trong năm

Năm 2018, hoạt động kinh doanh của SZE được hỗ trợ bởi những yếu tố thuận lợi của môi trường kinh doanh như kinh tế Việt Nam tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm qua, nhu cầu chỉnh trang đô thị tăng lên trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai,... Bên cạnh đó, trong năm các dịch vụ công ích thực hiện theo hình thức đấu thầu nên khối lượng và đơn giá quyết toán thực hiện theo khối lượng và đơn giá trúng thầu, Công ty không cần trình duyệt giá như những năm trước.

Bên cạnh những thuận lợi trên, Công ty cũng gặp một số khó khăn như sau:

- × Tất cả các dịch vụ công ích trên địa bàn Tỉnh phải thực hiện đấu thầu công khai. Do đó, để có thể tiếp tục thực hiện cung cấp dịch vụ công ích năm 2018 đảm bảo doanh thu và chi phí như kế hoạch đưa ra từ đầu năm, Công ty phải cân nhắc tất cả các chi phí và thực hiện các thủ tục để đảm bảo tính cạnh tranh trong công tác đấu thầu, trong khi đó các chi phí nguyên nhiên vật liệu luôn tăng, làm ảnh hưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- × Công tác tổ chức đấu thầu kéo dài gây khó khăn cho Công ty trong công tác quyết toán khối lượng đã thực hiện vì Công ty vẫn thực hiện cung cấp các dịch vụ công ích trong thời gian đợi kết quả đấu thầu.
- × Hiện thành phố Biên Hòa chưa quy hoạch các điểm sang tiếp và trung chuyển rác nên Công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác tập trung vận chuyển rác về nơi xử lý theo quy định.
- × Trong năm 2018, Sở Y tế Đồng Nai đã thực hiện khảo sát những Bệnh viện được trang bị lò đốt rác y tế và trình báo cáo UBND Tỉnh, làm cơ sở hoàn thiện Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế trên địa bàn Tỉnh nhưng đến nay Kế hoạch vẫn chưa được phê duyệt.
- × Các phương tiện vận chuyển rác của Công ty thường bị hư hỏng do phải tiếp xúc thường xuyên với chất thải làm cho chi phí sửa chữa phương tiện tăng cao.



Nguyên nhân doanh thu SZE tăng và vượt mức kế hoạch:

- Do Công ty trúng thầu các gói thầu Dịch vụ Công ích của Tp. Biên Hòa, khối lượng thực hiện nhiều hơn.
- Bên cạnh đó còn có doanh thu từ các gói thầu mới như gói thầu vận chuyển rác tại 3 huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu.
- Thêm vào đó, doanh thu tự khai thác cũng tăng 11,88%, góp phần làm tăng doanh thu 2018



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

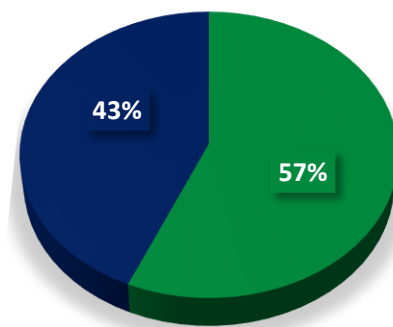
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017		31/12/2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	266.968	56,26%	276.806	56,51%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	48.276	10,17%	67.290	13,74%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.300	1,96%	15.409	3,15%
3	Phải thu ngắn hạn	202.649	42,70%	186.996	38,18%
4	Hàng tồn kho	6.073	1,28%	6.752	1,38%
5	Tài sản ngắn hạn khác	671	0,14%	358	0,07%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	207.592	43,74%	212.999	43,49%
1	Phải thu dài hạn	285	0,06%	171	0,03%
2	Tài sản cố định	101.760	21,44%	101.102	20,64%
3	Tài sản dở dang dài hạn	91.782	19,34%	102.826	20,99%
4	Đầu tư tài chính dài hạn	7.500	1,58%	7.500	1,53%
5	Tài sản dài hạn khác	6.265	1,32%	1.400	0,29%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		474.561	100,00%	489.805	100,00%

Tổng tài sản của SZE năm 2018 tăng 3,21% so với cùng kỳ năm 2017. Cơ cấu tài sản của Công ty hầu như không thay đổi khi tỷ trọng tài sản ngắn hạn chỉ tăng nhẹ 0,26% từ 56,26% lên 56,51%. Tài sản ngắn hạn Công ty tăng trong năm chủ yếu là do tăng tiền gửi ngắn hạn (kỳ hạn dưới 03 tháng) thêm 20.768 triệu đồng; giá trị khoản đầu tư đến ngày đáo hạn tăng 6.109 triệu đồng.

Trong năm, Công ty đã chi thêm 11.050 triệu đồng cho Công trình Khu xử lý chất thải huyện Vĩnh Cửu làm tăng khoản mục tài sản dở dang dài hạn, góp phần làm tài sản dài hạn của Công ty tăng 2,60% so với năm 2017.

NĂM 2018



■ TÀI SẢN NGẮN HẠN
■ TÀI SẢN DÀI HẠN

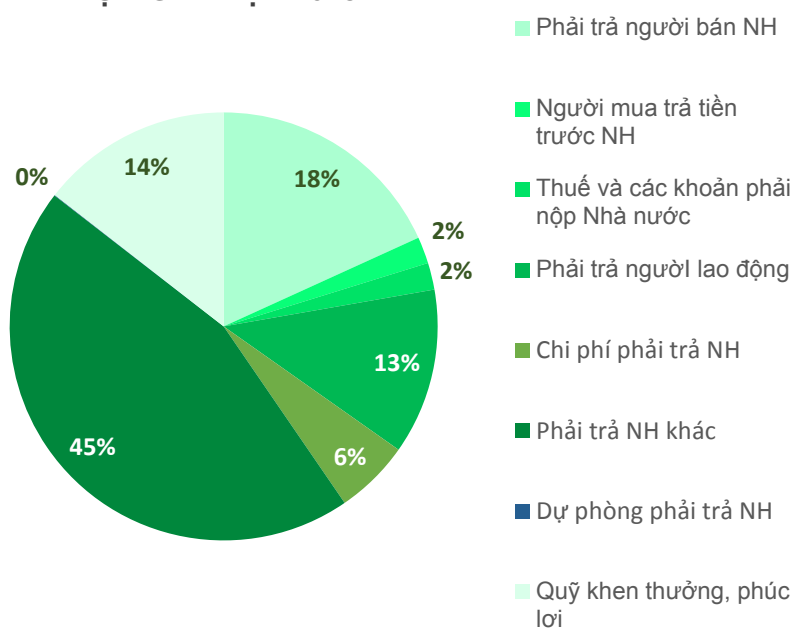
Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017		31/12/2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I	NỢ NGẮN HẠN	133.303	100,00%	144.412	100,00%
1	Phải trả người bán NH	16.674	12,51%	26.283	18,20%
2	Người mua trả tiền trước NH	279	0,21%	2.903	2,01%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.682	4,26%	2.934	2,03%
4	Phải trả người lao động	25.880	19,41%	18.099	12,53%
5	Chi phí phải trả NH	4.200	3,15%	8.172	5,66%
6	Phải trả NH khác	61.104	45,84%	65.053	45,05%
7	Dự phòng phải trả NH	32	0,02%	63	0,04%
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19.452	14,59%	20.904	14,48%
II	NỢ DÀI HẠN	-	-	-	-
NỢ PHẢI TRẢ		133.303	100,00%	144.412	100,00%

Công ty không có nhu cầu vay dài hạn. Nợ vay của SZE trong năm là các khoản vay ngắn hạn trị giá 144.411 triệu đồng, tăng 8,33% so với năm 2017. Trong đó chủ yếu là các khoản phải trả ngắn hạn khác như chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Xử lý rác huyện Vĩnh Cửu, chi phí phải trả người bán ngắn hạn,... trị giá 65.053 triệu đồng, chiếm 45,05% nợ phải trả ngắn hạn.

NỢ NGẮN HẠN 2018





NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

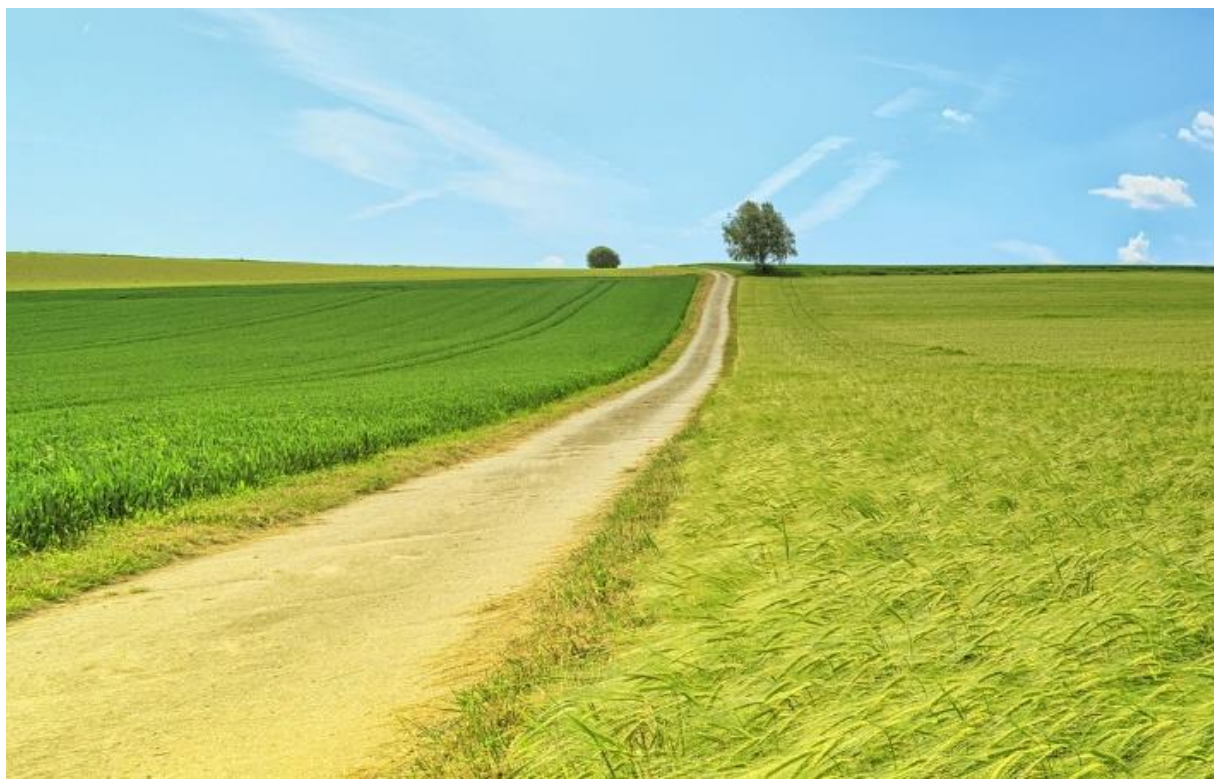
VỀ CƠ CẤU, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm vừa qua, Ban Tổng giám đốc tiếp tục điều hành Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Công ty đã xây dựng và quy định Hệ thống thang bảng lương phù hợp với định mức lao động, đơn giá tiền lương, và quy chế trả lương Công ty, hướng đến việc đảm bảo trả công lao động theo hiệu suất lao động, hiệu quả công việc.

Bên cạnh đó, SZE còn tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ để ngăn ngừa và phát hiện sai sót kịp thời. Đồng thời, tiến hành rà soát, đánh giá lại hoạt động của các phòng ban, phân định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận để sắp xếp lại nhân sự sao cho phù hợp với chuyên môn, năng lực, nhằm phát huy khả năng của người lao động, hướng đến cải thiện chất lượng nguồn nhân lực cho Công ty.

VỀ CÁCH THỨC QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU

Tiềm năng của thị trường vệ sinh môi trường hiện còn lớn. Ngoài ra, khi nước ta hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng thì vấn đề bảo vệ môi trường ngày càng được đề cao. SONAENCO đã có thương hiệu nổi tiếng về việc thu gom, vận chuyển xử lý rác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hơn 20 năm. Với vị thế sẵn có cùng sự tinh thần làm việc chuyên nghiệp, tận tâm, Công ty không ngừng nỗ lực để xây dựng hình ảnh SONAENCO gắn liền với phương châm “môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp”.



Về phát triển sản phẩm

Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu, đặc biệt là trong xã hội ngày nay khi tình trạng ô nhiễm không khí, đất, nước,...ngày càng nghiêm trọng. Người dân cũng có xu hướng lựa chọn các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường. Hiểu được điều đó, cùng với định hướng của Công ty là xây dựng một môi trường “sáng, xanh, sạch, đẹp”,

SZE đã tăng cường nghiên cứu, phát triển sản phẩm nhằm đưa ra giải pháp mới cho vấn đề môi trường. Hiện nay, Công ty đang trong quá trình cải tiến phương pháp xử lý rác từ chôn lấp sang chuyển thành phân compost có thể dùng để bón cho cây trồng. Đây là loại phân sạch, thân thiện với môi trường, có khả năng cải tạo đất. Hình thức xử lý này phù hợp với xu hướng bảo vệ môi trường hiện nay, đồng thời mở ra một thị trường kinh doanh đầy tiềm năng cho Công ty.

Về chiến lược kinh doanh

Công ty thực hiện kiểm soát nhân lực, quản lý chặt chẽ nhằm tạo ra chuỗi cung ứng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Bên cạnh đó, SZE còn thực hiện đẩy mạnh dịch vụ khai thác thêm các mảng dịch vụ rác thùng, rác dọn vệ sinh (dịch vụ trọn gói cây xanh, thu gom rác, quét dọn vỉa hè, cầu đường, mương, cống).





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trên cơ sở các chỉ tiêu thực hiện năm 2018 và dự báo tình hình phát triển các dịch vụ kinh doanh, ngành nghề của Công ty trong năm 2019, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	KH 2019/ KH 2018	KH 2019/ TH 2018
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	319.077	115,04%	88,94%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	33.009	114,06%	93,51%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	26.533	108,25%	92,82%
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	22.852	100,86%	96,54%
5	Tỷ suất LNST/ Vốn chủ sở hữu	%	8,50%	104,04%	102,71%
6	Lao động bình quân	người	649	105,70%	92,85%
7	Thu nhập bình quân	Đồng/người	9.970.198	107,24%	100,20%





Giải pháp thực hiện

- * Tăng cường công tác khai thác, tiếp thị, mở rộng địa bàn cung cấp các dịch vụ, thu gom vận chuyển và xử lý chất thải đến các đơn vị trong khu công nghiệp Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Vĩnh Cửu
- * Tăng cường công tác khai thác các dịch vụ thu gom rác thùng, rác dọn vệ sinh và cung cấp các dịch vụ như sửa chữa đèn chiếu sáng, nạo vét mương cống, chăm sóc cây xanh hoa kiểng tại các đơn vị trong và ngoài khu công nghiệp.
- * Triển khai giới thiệu các ngành nghề kinh doanh của Công ty đến các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng dịch vụ của Công ty để tìm kiếm khách hàng mới.
- * Nghiên cứu thực hiện việc ươm, trồng và nhân giống các loại cây xanh, hoa kiểng để kịp thời bổ sung, thay thế cho các công viên, dải phân cách và cung cấp các loại cây xanh, hoa kiểng ra thị trường bên ngoài.
- * Đầu tư thêm phương tiện vận chuyển rác để đáp ứng nhu cầu mở rộng địa bàn thu gom, vận chuyển rác đến các huyện lân cận đồng thời thay thế các phương tiện cũ hết niên hạn sử dụng theo quy định.
- * Thực hiện triển khai phương án giao quyền phân cấp khai thác cho các bộ phận sản xuất kinh doanh Công ty để tăng thêm khả năng khai thác doanh thu và lợi nhuận của từng bộ phận.
- * Thực hiện giao chỉ tiêu doanh thu và chi phí cho các bộ phận sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và quản lý tốt chi phí hoạt động tại các bộ phận.
- * Rà soát quỹ đất hiện có để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh cho những năm sắp tới.
- * Tiếp tục triển khai dự án xây dựng Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính (BCTC) được kiểm toán năm 2018 của Công ty, thực hiện bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, BCTC của SZE được đánh giá đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề mà đơn vị kiểm toán đã đưa ra tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”. Những vấn đề này liên quan đến các nội dung sau:



Về vấn đề liên quan đến việc điều chỉnh giảm đối với đơn giá xử lý rác tro

“Đến ngày 31/12/2018, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh giảm vào kết quả kinh doanh năm 2018 đối với doanh thu xử lý rác tro từ năm 2016 đến tháng 01/2018 với tổng giá trị là 11,19 tỷ đồng theo đơn giá đã được phê duyệt tại Công văn số 3309/STC-GCS ngày 08/06/2018 của Sở Tài Chính Tỉnh Đồng Nai và Văn bản số 7170/UBND-KT ngày 11/07/2018 ban hành bởi Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai. Về việc này, Công ty đã gửi văn bản trình lên Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai để kiến nghị xem xét lại đơn giá xử lý rác tro của các năm này nên chưa thống nhất quyết toán phần xử lý rác tro.

Như vậy, nếu thực hiện quyết toán xử lý rác tro theo văn bản của UBND Tỉnh Đồng Nai thì các Chỉ tiêu trên báo cáo tài chính trong năm 2018 sẽ thay đổi như sau:

- **Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018:**

- Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng” sẽ giảm đi với số tiền là 12,31 tỷ đồng;
- Chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm đi với số tiền là 10,07 tỷ đồng.

- **Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018:**

- Chỉ tiêu “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” sẽ giảm đi với số tiền là 0,29 tỷ đồng;
- Chỉ tiêu “Chi phí khác” sẽ tăng lên với số tiền là 10,9 tỷ đồng;
- Chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” sẽ giảm đi với số tiền là 11,19 tỷ đồng.”



Về vấn đề liên quan đến xác nhận công nợ

“Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được các thư xác nhận nợ đối với các khoản nợ phải thu tại ngày 31/12/2018 với số tiền là 23,96 tỷ đồng. Đồng thời, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để có thể cho ý kiến về công nợ phải thu vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 như đã nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.”



Ban Tổng Giám đốc giải trình về các vấn đề này như sau:

Theo Văn bản số 7170/UBND-KT ngày 11/7/2018 của UBND Tỉnh Đồng Nai (Văn bản 7170) v/v phê duyệt mức giá xử lý rác thải sinh hoạt cho giai đoạn tài chính từ tháng 3/2016 đến tháng 01/2018, theo đó, đơn giá xử lý rác tro của Công ty cho năm 2016 đến năm 2018 đã được phê duyệt thấp hơn đơn giá thực hiện mà đã được Công ty áp dụng để ghi nhận doanh thu cho các năm trước. Nếu so với đơn giá mới được phê duyệt thì sẽ phát sinh khoản chênh lệch là 11,19 tỷ, tương ứng ở các năm như sau:

- Năm 2016 với chênh lệch doanh thu là 5.748.291.379 đồng.
- Năm 2017 với chênh lệch doanh thu là 5.153.948.352 đồng.
- Năm 2018 (chỉ thực hiện tháng 1/2018) với chênh lệch doanh thu là 292.624.704 đồng.

Trong năm 2018, Công ty cũng đã có văn bản trình lên UBND Tỉnh Đồng Nai kiến nghị xem xét lại đơn giá xử lý rác tro theo Văn bản 7170. Tuy nhiên, đến nay Công ty vẫn chưa nhận được ý kiến phản hồi của Quý Ủy Ban. Do vậy, đến ngày 31/12/2018, Công ty vẫn chưa thống nhất quyết toán phần xử lý rác tro nêu trên. Hiện nay, Công ty đã có kế hoạch để tiếp tục kiến nghị với UBND Tỉnh Đồng Nai về vấn đề nêu trên trong năm 2019 và sẽ xử lý vấn đề này ngay khi có quyết định của UBND Tỉnh Đồng Nai.

Do đặc thù của Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ đô thị môi trường nên số lượng khách hàng rất lớn, vì vậy, việc thực hiện thủ tục đối chiếu công nợ/xác nhận công nợ theo yêu cầu của kiểm toán viên gặp khó khăn do phải đảm bảo thời gian trước khi phát báo cáo kiểm toán. Hiện nay, Công ty vẫn đang tiếp tục tiến hành đối chiếu công nợ đối với các khách hàng chưa thu hồi đủ như ý kiến kiểm toán ngoại trừ của kiểm toán nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty.



BÁO CÁO VỀ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về môi trường

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường, Công ty luôn tự ý thức, gắn liền trách nhiệm đối với môi trường sống với mỗi hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và địa phương về bảo vệ môi trường. Ngoài ra, SZE còn tổ chức đào tạo, hướng dẫn nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ, công nhân viên về công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo nhân viên các bộ phận hiểu biết về chính sách, mục tiêu chất lượng – môi trường của Công ty và mục tiêu chất lượng của bộ phận.

Đánh giá các vấn đề liên quan đến người lao động

Con người là một trong những yếu tố quyết định đến sự thành công và phát triển bền vững của Công ty. Xác định được điều đó, Công ty luôn cố gắng tạo ra một môi trường làm việc năng động, tạo nhiều điều kiện thuận lợi để người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cũng không ngừng cải cách chính sách lương thưởng, phúc lợi, để góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân viên; Cấp phát đồng phục, đồ bảo hộ lao động, trang bị các công cụ bảo vệ cho người lao động đúng quy định; với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại, Công ty đều đảm bảo mức bồi dưỡng bằng hiện vật...



Đánh giá trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty tích cực tham gia các chương trình tình nguyện, chương trình thiện nguyện cùng với các Đoàn thể nhằm đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng dân cư trong địa:

- Hỗ trợ "Chiến dịch tình nghĩa hè 2018", trao quà cho trẻ em nghèo, học giỏi.
- Hỗ trợ chương trình "sáng, xanh, sạch, đẹp" tại huyện Long Thành.
- Hỗ trợ kinh phí cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học, các cháu khuyết tật và nạn nhân chất độc màu da cam.
- Hỗ trợ kinh phí xây dựng đường giao thông nông thôn tại huyện Vĩnh Cửu.
- Ủng hộ "Quỹ đền ơn đáp nghĩa".
- Hỗ trợ viện phí cho bệnh nhân nghèo tại Bệnh viện Đa Khoa Đồng Nai.
- Hỗ trợ kinh phí để Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai chăm lo Đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn Xuân Kỷ Hợi 2019.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

04

Về hoạt động kinh doanh

Về hoạt động liên quan đến môi trường, cộng đồng

Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Kế hoạch và định hướng 2019



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

“Với chiến lược kinh doanh đúng đắn cùng sự phối hợp hành động của toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty, SZE đã hoàn thành tốt kết hoạch được giao và đạt mức doanh thu, lợi nhuận cao hơn so với cùng kỳ năm 2017.”

Năm 2018, SONAENCO hoạt động trong bối cảnh kinh tế nước ta đạt được những thành tích đáng ghi nhận. GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Vốn đầu tư toàn xã hội đạt loại khá, tăng 11,2%. Tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai – địa bàn hoạt động kinh doanh chính của Công ty - vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 7.206 tỷ đồng, dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép mới có giá trị 989 triệu USD. Bên cạnh đó, việc chính quyền tỉnh thực hiện quy hoạch đô thị, công nghiệp và dịch vụ đồng bộ, Đồng Nai đã trở thành một trong những thị trường hấp dẫn nhà đầu tư.

Với những yếu tố thuận lợi đó, Công ty đã tập trung nguồn lực, thực hiện tốt các dịch vụ công cộng mà Công ty đã trúng thầu tại thành phố Biên Hòa và các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu. Đồng thời, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo uy tín với khách hàng cũng như tạo doanh thu, việc làm và thu nhập cho cán bộ, công nhân viên Công ty.

Tuy nhiên, Công ty cũng gặp phải một số khó khăn nhất định trong quá trình kinh doanh. Hiện nay, SZE bị thành phố Biên Hòa cắt giảm khối lượng của một số dịch vụ công ích cho đơn vị khác, làm ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.





ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, CỘNG ĐỒNG

Trong năm, Công ty đã thực hiện tốt chính sách về môi trường, đảm bảo và nâng cao chất lượng dịch vụ, giữ gìn vệ sinh môi trường đô thị. Bên cạnh đó, Công ty còn tham gia hỗ trợ chương trình "sáng, xanh, sạch, đẹp" tại huyện Long Thành góp phần xây dựng vẻ đẹp đô thị cho tỉnh Đồng Nai.

Đối với người lao động, Công ty Đảm bảo việc chi trả tiền lương và đóng góp các khoản phải nộp cho người lao động theo Luật bảo hiểm đủ và đúng thời gian quy định; Thực hiện khám sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên lao động 01 lần/năm đối với người lao động làm việc trong điều kiện bình thường và 02 lần/năm 2018 đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại; cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, trang bị các công cụ bảo vệ cho người lao động đúng quy định.

Công ty cũng đề cao ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Công ty đã tham gia nhiều hoạt động tình nguyện, thiện nguyện tại như hỗ trợ "Chiến dịch tình nghĩa hè 2018", trao quà cho trẻ em nghèo, học giỏi; hỗ trợ viện phí cho bệnh nhân nghèo tại Bệnh viện Đa Khoa Đồng Nai; ủng hộ "Quỹ đền ơn đáp nghĩa", hỗ trợ kinh phí xây dựng đường giao thông nông thôn tại huyện Vĩnh Cửu; hỗ trợ kinh phí để Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai chăm lo Đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn Xuân Kỷ Hợi 2019.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc gồm 03 thành viên, các thành viên đều có trình độ, năng lực, phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn và có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý.

Ban Tổng Giám đốc đã luôn chấp hành pháp luật của Nhà nước, thực hiện đúng quy chế, quy định, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng các giải pháp kinh doanh, chỉ đạo tập trung mọi nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, song song đó đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động.

Hội đồng quản trị cũng thường xuyên theo dõi, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG 2019

1

Hoàn thành tốt dự án kinh doanh hiện có và triển khai giới thiệu các ngành nghề kinh doanh của Công ty đến các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng dịch vụ của Công ty để tìm kiếm khách hàng mới,... phấn đấu đạt được những chỉ tiêu lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông đã đặt ra.

2

Tăng cường công tác khai thác, tiếp thị, mở rộng địa bàn cung cấp các dịch vụ, thu gom vận chuyển và xử lý chất thải đến các đơn vị trong khu công nghiệp Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Vĩnh Cửu. Nghiên cứu thực hiện việc ươm, trồng và nhân giống các loại cây xanh, hoa kiểng để kịp thời bổ sung, thay thế cho các công viên, dải phân cách và cung cấp các loại cây xanh, hoa kiểng ra thị trường bên ngoài.

3

Đầu tư thêm phương tiện vận chuyển rác để đáp ứng nhu cầu mở rộng địa bàn thu gom, vận chuyển rác đến các huyện lân cận đồng thời thay thế các phương tiện cũ hết niên hạn sử dụng theo quy định.

4

Chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo và huấn luyện nguồn nhân lực để đáp ứng định hướng phát triển của Công ty. Thực hiện triển khai phương án giao quyền phân cấp khai thác cho các bộ phận sản xuất kinh doanh Công ty để tăng thêm khả năng khai thác doanh thu và lợi nhuận của từng bộ phận.

5

Rà soát quỹ đất hiện có để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh cho những năm sắp tới.

6

Tiếp tục triển khai thực hiện dự án Bãi chôn lấp hợp vệ sinh chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và các cuộc họp của HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Ông Lương Minh Hiền	Chủ Tịch HĐQT	03	03/06 (50%)	Chủ tịch HĐQT đến tháng 04/2018
2	Ông Bạch Văn Hiền	Chủ Tịch HĐQT	06	06/06 (100%)	Chủ tịch HĐQT từ tháng 04/2018
3	Ông Trần Anh Dũng	Thành viên HĐQT	03	03/06 (50%)	TV.HĐQT từ tháng 04/2018
4	Ông Nguyễn Ngọc Danh	Thành viên HĐQT	06	06/06 (100%)	
5	Bà Quách Ngọc Bửu	Thành viên HĐQT	06	06/06 (100%)	
6	Bà Trần Võ Hoài Hương	Thành viên HĐQT	06	06/06 (100%)	
7	Ông Trần Ngọc Hải Sơn	Thành viên HĐQT	06	06/06 (100%)	
8	Ông Võ Thành Tâm	Thành viên HĐQT	06	06/06 (100%)	

Lý lịch thành viên HĐQT

Ông Bạch Văn Hiền – Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	04/12/1960
Địa chỉ thường trú	234, đường Đỗ Văn Thi, ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2018	4.519.235 cổ phần, chiếm 15,06%VĐL.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	19.235 cổ phần, chiếm 0,06%VĐL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	4.500.000 cổ phần, chiếm 15% VĐL (đại diện cho Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp)

Lý lịch thành viên HĐQT

Ông Trần Anh Dũng – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	28/04/1971
Địa chỉ thường trú	29 đường 6 Khu nhà ở Bắc Đinh Bộ Lĩnh, Nguyễn Xí, KP3, P26, Bình Thạnh, Tp. HCM.
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư xây dựng
Số cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2018	5.797.484 cổ phần, chiếm 19,32% VĐL.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	84.638 cổ phần, chiếm 0,28% VĐL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	5.712.846 cổ phần, chiếm 19,04% VĐL (đại diện cho Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp).

Ông Nguyễn Ngọc Danh – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	05/08/1959
Địa chỉ thường trú	197 KP4, phường Thống Nhất, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính kế toán thương mại
Số cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2018	3.019.020 cổ phần, chiếm 10,06%VĐL.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	19.020 cổ phần, chiếm 0,06%VĐL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	3.000.000 cổ phần, chiếm 10,00% VĐL (đại diện cho Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp).

Bà Quách Ngọc Bửu – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	07/04/1976
Địa chỉ thường trú	18/8A, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2018	90.845 cổ phần, chiếm 0,30% VĐL.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	15.845 cổ phần, chiếm 0,05% VĐL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	75.000 cổ phần, chiếm 0,25% VĐL (đại diện cho Công đoàn Cơ sở Công ty).

Ông Võ Thành Tâm – Thành viên HĐQT

Năm sinh	24/07/1970
Địa chỉ thường trú	26/2B KP1, phường Bửu Long, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ chuyên môn	KS. Bảo hộ lao động, Trung cấp điện
Số cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2018	92.928 cổ phần, chiếm 0,31% VĐL.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	17.928 cổ phần, chiếm 0,06% VĐL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	75.000 cổ phần, chiếm 0,25% VĐL (đại diện cho Công đoàn Cơ sở Công ty).

Bà Trần Võ Hoài Hương – Thành viên HĐQT

Năm sinh	09/04/1985
Địa chỉ thường trú	103/53, KP3, phường Trung Dũng, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh doanh và quản lý
Số cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2018	1.508.431 cổ phần, chiếm 5,03% VĐL.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	8.431 cổ phần, chiếm 0,03% VĐL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	1.500.000 cổ phần, chiếm 5,00% VĐL (đại diện cho Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp).

Ông Trần Ngọc Hải Sơn – Thành viên HĐQT


Năm sinh	28/03/1968
Địa chỉ thường trú	202/6 KP5, phường Trung Dũng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân QTKD Công Đoàn
Số cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2018	1.519.008 cổ phần, chiếm 5,06% VĐL.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	19.008 cổ phần, chiếm 0,06% VĐL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	1.500.000 cổ phần, chiếm 5,00% VĐL (đại diện cho Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp).



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc





Thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Bên cạnh đó phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát Công ty để giám sát các vấn đề như:

- Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thông qua nội dung các cuộc họp và các báo cáo định kỳ, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất của Công ty để từ đó đưa ra những nhận xét và biện pháp chỉ đạo kịp thời.
- Thông qua các báo cáo và ý kiến của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Kiểm tra tình hình tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành khác.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2018

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	10/NQ-SZE-HĐQT	04/01/2018	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị lần thứ 9
2	110/QĐ-SZE-HĐQT	05/01/2018	Quyết định v/v ban hành Quy định hệ thống thang lương, bảng lương công ty
3	113/QĐ-SZE-HĐQT	12/03/2018	Quyết định v/v giao nhiệm vụ thực hiện chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018
4	11/NQ-SZE-HĐQT	14/03/2018	Nghị quyết họp HĐQT lần thứ 10
5	12/NQ-SZE-HĐQT	09/04/2018	Nghị quyết họp HĐQT lần thứ 11
6	13/NQ-SZE-HĐQT	17/04/2018	Nghị quyết họp HĐQT lần thứ 12
7	128/QĐ-SZE-HĐQT	18/04/2018	Quyết định v/v Bổ nhiệm Ông Trần Anh Dũng giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty
8	133/QĐ-SZE-HĐQT	28/04/2018	Quyết định v/v bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền là người phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty
9	134/QĐ-SZE-HĐQT	21/05/2018	Quyết định v/v phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2015-2020
10	14/NQ-SZE-HĐQT	19/07/2018	Nghị quyết họp HĐQT lần thứ 13

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
11	136/QĐ-SZE-HĐQT	23/07/2018	Quyết định v/v ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT
12	138/QĐ-SZE-HĐQT	01/08/2018	Quyết định v/v thành lập tổ thẩm định dự án: Khu xử lý chất thải Vĩnh tân – Công trình: Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt làm phân compost công suất 450T/ca tại xã Vĩnh tân – Huyện Vĩnh cữu – Tỉnh Đồng Nai
13	140/NQ-SZE-HĐQT	14/08/2018	Quyết định v/v phê duyệt dự toán kinh phí chuẩn bị đầu tư – Dự án: Khu xử lý chất thải Vĩnh tân – Công trình: Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt làm phân compost công suất 450T/ca tại xã Vĩnh tân – Huyện Vĩnh cữu – Tỉnh Đồng Nai
14	142/QĐ-SZE-HĐQT	05/09/2018	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư – Dự án: Khu xử lý chất thải Vĩnh tân – Công trình: Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt làm phân compost công suất 450T/ca tại xã Vĩnh tân – Huyện Vĩnh cữu – Tỉnh Đồng Nai
15	15/NQ-SZE-HĐQT	29/10/2018	Nghị quyết họp HĐQT lần thứ 14
16	147/QĐ-SZE-HĐQT	30/10/2018	Quyết định v/v thành lập Xí nghiệp Môi trường
17	148/QĐ-SZE-HĐQT	30/10/2018	Quyết định v/v thành lập Khu xử lý chất thải Vĩnh Tân.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và các cuộc họp của Ban kiểm soát

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Bà Ngô Thị Châu Loan	Trưởng BKS	03	100%	
2	Bà Nguyễn Bách Thảo	Kiểm soát viên	03	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Nữ	Kiểm soát viên	03	100%	

Tóm tắt lý lịch thành viên Ban kiểm soát

Bà Ngô Thị Châu Loan – Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh	11/08/1970
Địa chỉ thường trú	432 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2018	1.519.252 cổ phần, chiếm 5,06%VĐL.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	19.252 cổ phần, chiếm 0,06%VĐL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	1.500.000 cổ phần, chiếm 5,00% VĐL (đại diện cho Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp).



Bà Nguyễn Bách Thảo – Kiểm soát viên

Năm sinh	22/01/1982
Địa chỉ thường trú	D6/2. KP 6, phường Thống Nhất, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2018	1.500.000 cổ phần, chiếm 5,00% VĐL
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% VĐL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	1.500.000 cổ phần, chiếm 5,00% VĐL (đại diện cho Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp).

Bà Nguyễn Thị Nữ – Kiểm soát viên

Năm sinh	20/6/1984
Địa chỉ thường trú	Xóm Kim Sơn, Xã Hải Vân, Huyện Như Thành, Tỉnh Thanh Hóa.
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính ngân hàng
Số cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2018	3.900.000 cổ phần, chiếm 13% VĐL.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% VĐL.
Số cổ phần đại diện sở hữu	3.900.000 cổ phần, chiếm 13% VĐL (Đại diện cho Công ty CP Đầu tư xây dựng BMT).





BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

Hoạt động của Ban kiểm soát đã tuân thủ đúng chức trách, nhiệm vụ của mình và chấp hành đúng pháp luật, Điều lệ của Công ty. Cụ thể:

- Ban kiểm soát được mời tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và được cung cấp các nội dung có liên quan theo yêu cầu.
- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng và đạt hiệu quả cao.
- Ban kiểm soát đã cùng với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc phối hợp nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty trên cơ sở đó đã có những đề xuất, trao đổi, tham gia ý kiến nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của Cổ đông.
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tiếp thu các ý kiến góp ý của Ban kiểm soát và đang từng bước cải thiện việc áp dụng các quy định về quản trị Công ty áp dụng cho công ty đại chúng.
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện về việc cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát được tiếp cận tài liệu để kiểm tra tính sát thực của thông tin. Các thành viên Ban kiểm soát được cung cấp các thông tin, báo cáo tài chính,...liên quan đến nội dung các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO

Lương, thưởng, thù lao và cá khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên			Lương	Thù lao
1	Hội đồng quản trị				
	Ông	Bạch Văn Hiền	Chủ tịch HĐQT	473.856.923	23.520.000
	Ông	Trần Anh Dũng	Thành viên HĐQT	-	57.120.000
	Ông	Nguyễn Ngọc Danh	Thành viên HĐQT	-	80.640.000
	Bà	Trần Võ Hoài Hương	Thành viên HĐQT	-	80.640.000
	Ông	Trần Ngọc Hải Sơn	Thành viên HĐQT	-	80.640.000
	Bà	Quách Ngọc Bửu	Thành viên HĐQT	-	80.640.000
	Ông	Võ Thành Tâm	Thành viên HĐQT	-	80.640.000
2	Ban kiểm soát				
	Bà	Ngô Thị Châu Loan	Trưởng BKS	332.769.231	-
	Bà	Nguyễn Bách Thảo	Thành viên BKS	-	40.320.000
	Bà	Nguyễn Thị Nữ	Thành viên BKS	-	28.560.000
3	Ban điều hành				
	Ông	Trần Anh Dũng	Tổng Giám đốc	332.520.000	-
	Ông	Nguyễn Ngọc Danh	Phó Tổng Giám đốc	409.700.000	-
	Bà	Quách Ngọc Bửu	Phó Tổng Giám đốc	368.939.692	-
	Bà	Trần Võ Hoài Hương	Kế toán trưởng	341.960.770	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

TT	Tên cổ đông nội bộ	Chức vụ/ Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
1	Trần Anh Dũng	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT	-	Mua	84.638	84.638	01/11/2018 - 30/11/2018

Hợp đồng/ giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.



A background image of a forest with tall trees and sunlight filtering through the canopy. A large, semi-transparent green shape, resembling a stylized leaf or a wave, is overlaid on the image, framing the text.

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bạch Văn Hiền	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17/04/2018)
Bà Lương Minh Hiền	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 17/04/2018)
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17/04/2018)
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Thành viên
Bà Trần Võ Hoài Hương	Thành viên
Ông Trần Ngọc Hải Sơn	Thành viên
Bà Quách Ngọc Bửu	Thành viên
Ông Võ Thành Tâm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Ngô Thị Châu Loan	Trưởng ban
Bà Nguyễn Bách Thảo	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nữ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17/04/2018)
Ông Nguyễn Bích Chương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 17/04/2018)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Dũng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/04/2018)
Ông Bạch Văn Hiền	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 17/04/2018)
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Quách Ngọc Bửu	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính .

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *th*



Trần Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Số: 19.125/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 03 năm 2019 từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Điều chỉnh giảm đối với đơn giá xử lý rác trơ:

Đến ngày 31/12/2018, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh giảm vào kết quả kinh doanh năm 2018 đối với doanh thu xử lý rác trơ từ năm 2016 đến tháng 01/2018 với tổng giá trị là 11,19 tỷ đồng theo đơn giá đã được phê duyệt tại Công văn số 3309/STC-GCS ngày 08/06/2018 của Sở Tài Chính Tỉnh Đồng Nai và Văn bản số 7170/UBND-KT ngày 11/07/2018 ban hành bởi Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai. Về việc này, Công ty đã gửi văn bản trình lên Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai để kiến nghị xem xét lại đơn giá xử lý rác trơ của các năm này nên chưa thống nhất quyết toán phần xử lý rác trơ.

Như vậy, nếu thực hiện quyết toán xử lý rác trơ theo văn bản của UBND Tỉnh Đồng Nai thì các Chỉ tiêu trên báo cáo tài chính trong năm 2018 sẽ thay đổi như sau:

- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018:
 - Chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" sẽ giảm đi với số tiền là 12,31 tỷ đồng;
 - Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi với số tiền là 10,07 tỷ đồng.
- Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018:
 - Chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" sẽ giảm đi với số tiền là 0,29 tỷ đồng;
 - Chỉ tiêu "Chi phí khác" sẽ tăng lên với số tiền là 10,9 tỷ đồng;
 - Chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi với số tiền là 11,19 tỷ đồng.

2. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được các thư xác nhận nợ đối với các khoản nợ phải thu tại ngày 31/12/2018 với số tiền là 23,96 tỷ đồng. Đồng thời, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để có thể cho ý kiến về công nợ phải thu vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 như đã nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1



Nguyễn Vinh Thụy
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3590-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		276.806.462.769	266.968.353.210
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	67.290.387.210	48.276.044.780
1. Tiền	111		14.486.252.712	16.239.915.419
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.804.134.498	32.036.129.361
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.409.195.732	9.300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	15.409.195.732	9.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		186.996.226.455	202.648.851.494
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	181.662.403.078	198.520.987.279
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.067.685.540	1.878.197.590
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	4.472.913.382	2.421.577.865
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(206.775.545)	(171.911.240)
IV. Hàng tồn kho	140		6.752.301.734	6.072.849.780
1. Hàng tồn kho	141	4.5	6.752.301.734	6.072.849.780
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		358.351.638	670.607.156
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		358.351.638	670.607.156
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		212.998.859.724	207.592.455.786
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		170.583.500	285.324.750
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	170.583.500	285.324.750
II. Tài sản cố định	220		101.102.141.110	101.760.165.440
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	100.793.734.166	101.760.165.440
Nguyên giá	222		273.966.517.675	252.220.605.545
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173.172.783.509)	(150.460.440.105)
2. Tài sản cố định vô hình	227		308.406.944	-
Nguyên giá	228		308.750.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(343.056)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		102.826.218.658	91.782.267.093
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	102.826.218.658	91.782.267.093
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.500.000.000	7.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	7.500.000.000	7.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.399.916.456	6.264.698.503
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		886.898.705	5.972.520.662
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		513.017.751	292.177.841
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		489.805.322.493	474.560.808.996

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

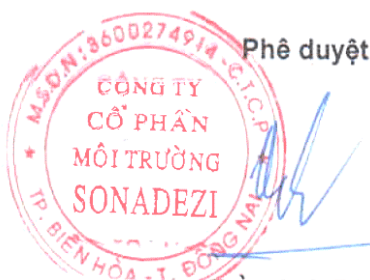
Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		144.411.780.355	133.303.382.036
I. Nợ ngắn hạn	310		144.411.780.355	133.303.382.036
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	26.283.477.427	16.673.587.142
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.903.112.840	278.539.026
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	2.934.356.321	5.682.326.459
4. Phải trả người lao động	314	4.10	18.098.889.326	25.880.490.372
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	8.172.206.583	4.200.102.909
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	65.052.867.227	61.104.122.031
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		63.160.392	31.992.980
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.13	20.903.710.239	19.452.221.117
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		345.393.542.138	341.257.426.960
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14.1	345.393.542.138	341.257.426.960
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.14.2	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.885.360.484	4.210.024.535
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.341.348.192	33.880.568.963
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		6.757.354.875	7.127.209.476
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.583.993.317	26.753.359.487
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		3.166.833.462	3.166.833.462
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		489.805.322.493	474.560.808.996



Phê duyệt

Trần Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Người lập Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 02 - DN


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

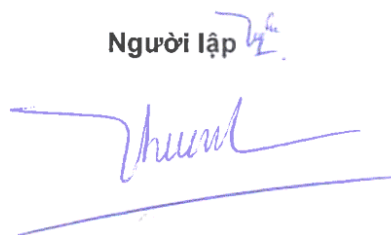
CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	353.498.308.408	338.579.816.073
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		353.498.308.408	338.579.816.073
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	294.015.328.238	281.038.992.731
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.482.980.170	57.540.823.342
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.869.499.666	3.762.463.163
6. Chi phí tài chính	22		55.061.483	-
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		55.061.483	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	28.985.606.440	28.615.433.033
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.311.811.913	32.687.853.472
9. Thu nhập khác	31		1.385.449.056	1.079.546.726
10. Chi phí khác	32		395.472.229	492.575.877
11. Lợi nhuận khác	40		989.976.827	586.970.849
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.301.788.740	33.274.824.321
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	6.938.635.333	6.689.272.998
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(220.839.910)	(167.808.164)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.583.993.317	26.753.359.487
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	830	777
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	830	777

Phê duyệt



Trần Anh Dũng
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Người lập



Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.301.788.740	33.274.824.321
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	23.254.410.693	21.438.191.383
Các khoản dự phòng	03		66.031.717	47.251.480
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.910.757.810)	(3.949.379.461)
Chi phí lãi vay	06		55.061.483	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		54.766.534.823	50.810.887.723
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.340.355.956	(8.812.163.080)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(679.451.954)	1.424.245.622
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.221.910.004	(205.967.273)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		5.397.877.475	7.654.455.424
Tiền lãi vay đã trả	14		(55.061.483)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(7.193.899.588)	(4.247.939.716)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		45.680.000	50.350.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.539.150.884)	(2.095.872.567)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		72.304.794.349	44.577.996.133
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(28.530.174.608)	(37.664.622.441)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		87.272.727	199.900.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(5.100.000.000)	(9.300.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.252.449.962	1.399.858.830
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(32.290.451.919)	(45.364.863.611)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.14.5	(21.000.000.000)	(24.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.000.000.000)	(24.000.000.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		19.014.342.430	(24.786.867.478)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		48.276.044.780	73.062.912.258
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	67.290.387.210	48.276.044.780



Phê Duyệt

Trần Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch vụ Môi Trường Đô Thị Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 16 tháng 08 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600274914 ngày 07 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 08 tháng 05 năm 2018.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 theo văn bản số 8835/UBND-KT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai.

Ngày 18 tháng 01 năm 2016, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 304/UBCK-GSĐC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Ngày 22 tháng 11 năm 2016, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 760/QĐ-SGDHN ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 300 tỷ VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	Việt Nam	192.128.460.000	64,04	192.128.460.000	64,04
Khác	Việt Nam	39.000.000.000	13,00	39.000.000.000	13,00
	Việt Nam	68.871.540.000	22,96	68.871.540.000	22,96
Cộng		300.000.000.000	100,00	300.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 699 (31/12/2017: 726).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ đô thị môi trường.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Quét dọn đường phố, vỉa hè. Dịch vụ lau dọn vệ sinh;
- Thu gom rác thải sinh hoạt. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế). Xử lý nước thải;
- Kinh doanh và tái chế phế liệu, sản xuất phân hữu cơ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Duy tu, sửa chữa các hệ thống công trình thoát nước, vỉa hè, cầu đường; Quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố. Mua bán, trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh, hoa kiểng các loại. Thi công xây dựng, duy tu bảo dưỡng công trình công viên cây xanh.
- Quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông;
- Dịch vụ mai táng, hỏa táng, xây mộ. Đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác nghĩa trang.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2018

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 49 năm
▪ Máy móc thiết bị	4 – 19 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
▪ Khác	4 – 8 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa, giá vốn công cụ, dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 03 năm.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.11. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động được hưởng ưu đãi;
- Thuế suất 20% đối với hoạt động không ưu đãi.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Thuế (Tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Giấy phép đầu tư số 47121000435 do UBND Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11 tháng 11 năm 2014, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% đối với hoạt động thu gom và xử lý chất thải, nước thải tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai cho dự án khu xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ hệ thống chiếu sáng, công viên, quản lý chợ đêm, mai táng, hỏa táng: không chịu thuế;
- Hút hầm vệ sinh, rác thải, rác thải y tế: 0%;
- Các dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.19. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	364.100.016	1.358.102.843
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.122.152.696	14.881.812.576
Các khoản tương đương tiền	52.804.134.498	32.036.129.361
Cộng	67.290.387.210	48.276.044.780

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Đồng Nai và ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với kỳ hạn dưới 3 tháng và lãi suất 5,5%/năm.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại TMCP Công Thương – chi nhánh Đồng Nai với lãi suất 6,5%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (mã chứng khoán SDV), số lượng 500.000 cổ phiếu. Tại ngày báo cáo, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là 7.500.000.000 VND.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	29.114.920	68.142.520
Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Biên Hòa	149.978.076.795	159.318.145.814
Các khách hàng khác	31.655.211.363	39.134.698.945
Cộng	181.662.403.078	198.520.987.279

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	510.000.000	-	185.000.000	
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	1.294.507.134	-	366.104.678	
Phải thu khác	2.668.406.248	-	1.870.473.187	
Cộng	4.472.913.382	-	2.421.577.865	-
Dài hạn:				
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	170.583.500	-	285.324.750	-
Cộng	170.583.500	-	285.324.750	-

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.352.625.357	-	2.062.483.360	-
Công cụ, dụng cụ	814.050.755	-	1.054.352.073	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:	4.011.403.968	-	2.381.377.521	-
<i>Các công trình giao thông</i>	2.485.980.062	-	2.168.634.160	-
<i>Dịch vụ xúc vận chuyển</i>	1.525.423.906	-	-	-
<i>Công trình trồng cây xanh</i>	-	-	212.743.361	-
Hàng hóa	574.221.654	-	574.636.826	-
Cộng	6.752.301.734	-	6.072.849.780	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công trình khu xử lý chất thải Huyện Vĩnh Cửu	102.665.392.034	91.614.679.378
Công trình bãi xử rác Trảng Dài	138.868.533	138.868.533
Khác	21.958.091	28.719.182
Cộng	<u>102.826.218.658</u>	<u>91.782.267.093</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2018	118.229.542.902	37.809.496.434	89.361.877.844	287.605.900	6.532.082.465	252.220.605.545
Mua trong năm	-	59.892.665	8.125.456.273	-	-	8.185.348.938
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	14.148.302.008	14.148.302.008
Thanh lý, nhượng bán	(87.738.816)	-	(500.000.000)	-	-	(587.738.816)
Tại ngày 31/12/2018	118.141.804.086	37.869.389.099	96.987.334.117	287.605.900	20.680.384.473	273.966.517.675
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2018	83.322.519.284	19.821.739.159	45.558.526.142	247.520.664	1.510.134.856	150.460.440.105
Khấu hao trong năm	6.781.177.034	2.813.813.034	10.939.984.105	12.827.268	2.706.266.196	23.254.067.637
Thanh lý, nhượng bán	(87.738.816)	-	(453.985.417)	-	-	(541.724.233)
Tại ngày 31/12/2018	90.015.957.502	22.635.552.193	56.044.524.830	260.347.932	4.216.401.052	173.172.783.509
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2018	34.907.023.618	17.987.757.275	43.803.351.702	40.085.236	5.021.947.609	101.760.165.440
Tại ngày 31/12/2018	28.125.846.584	15.233.836.906	40.942.809.287	27.257.968	16.463.983.421	100.793.734.166

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 83.880.144.847 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	-	-	3.245.000	3.245.000
Phải trả cho người bán				
Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại Xây dựng Công nghiệp Đức Long	5.560.000.000	5.560.000.000	306.389.000	306.389.000
Trạm Xăng dầu Bến de Biên Hòa Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Môi trường Quốc Việt	5.648.626.395	5.648.626.395	1.631.705.820	1.631.705.820
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Duy Phương	1.684.076.790	1.684.076.790	3.917.713.800	3.917.713.800
Phải trả cho các đối tượng khác	1.440.000.000	1.440.000.000	-	-
	11.950.774.242	11.950.774.242	10.814.533.522	10.814.533.522
Cộng	26.283.477.427	26.283.477.427	16.673.587.142	16.673.587.142

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2018		Trong năm		Tại ngày 31/12/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	3.090.971.181	30.226.005.542	32.065.853.311	-	1.251.123.412
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.873.845.722	6.938.635.333	7.193.899.588	-	1.618.581.467
Thuế thu nhập cá nhân	-	717.509.556	1.494.850.556	2.147.708.670	-	64.651.442
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	678.904.097	678.904.097	-	-
Các loại thuế khác	-	-	49.825.012	49.825.012	-	-
Cộng	-	5.682.326.459	39.388.220.540	42.136.190.678	-	2.934.356.321

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương năm 2018 còn phải trả cho người lao động.

4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trích trước chi phí xây dựng công trình xử lý chất thải – phần đáy hồ và nắp hồ rác HSH4	4.242.539.674	-
Trích trước chi phí xây dựng công trình xử lý chất thải - phần nắp hồ rác SH5	3.213.593.636	3.213.593.636
Trích trước chi phí xây dựng công trình bể xử lý nước thải	671.073.273	930.713.273
Khác	45.000.000	55.796.000
Cộng	8.172.206.583	4.200.102.909

4.12. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí xử lý rác sinh hoạt hộ dân phải trả cho Phòng Tài chính kế hoạch Biên Hòa	11.317.923.507	7.547.189.737
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	384.885.720	364.484.198
Kinh phí công đoàn	95.383.000	296.785.780
Phải trả Công ty Cổ phần Môi trường Đồng Xanh	3.298.605.030	3.298.605.030
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.172.652.707	1.813.640.023
Các khoản phải bàn giao ngân sách nhà nước	47.783.417.263	47.783.417.263
<i>Chi phí giải phóng mặt bằng Huyện Vĩnh Cửu phải trả Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai</i>	47.382.461.015	47.382.461.015
<i>Chi phí quy phí quy hoạch cho diện tích 21,7 ha dự án khu xử lý chất thải Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai</i>	400.956.248	400.956.248
Cộng	65.052.867.227	61.104.122.031

4.13. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Quỹ khen thưởng	9.392.758.937	9.134.281.678
Quỹ phúc lợi	10.862.934.497	9.414.695.720
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	-	502.241.266
Quỹ công tác xã hội cộng đồng	100.922.048	401.002.453
Quỹ thưởng cá nhân và cơ quan hữu quan	547.094.757	-
Cộng	20.903.710.239	19.452.221.117

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.14. Vốn chủ sở hữu****4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2017	300.000.000.000	3.166.833.462	-	44.231.559.520	347.398.392.982
Lãi trong năm trước	-	-	-	26.753.359.487	26.753.359.487
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	4.210.024.535	(4.210.024.535)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.473.031.895)	(5.473.031.895)
Chia cổ tức	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
Giảm khác (*)	-	-	-	(3.421.293.614)	(3.421.293.614)
Tại ngày 01/01/2018	300.000.000.000	3.166.833.462	4.210.024.535	33.880.568.963	341.257.426.960
Lãi trong năm nay	-	-	-	28.583.993.317	28.583.993.317
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	2.675.335.949	(2.675.335.949)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.447.878.139)	(3.447.878.139)
Chia cổ tức	-	-	-	(21.000.000.000)	(21.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	300.000.000.000	3.166.833.462	6.885.360.484	35.341.348.192	345.393.542.138

(*) Là khoản nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp việc làm phần lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 do điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà Nước số 302/TB-KTNN KV XIII ngày 22/09/2017.

Số dư nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận chưa phân phối sẽ được xử lý theo quy định hiện hành về xử lý tài chính khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước sau khi có biên bản làm việc cuối cùng về số liệu cổ phần hóa giữa Sở tài chính và Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vốn góp của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	192.128.460.000	192.128.460.000
Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng BMT	39.000.000.000	39.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	68.871.540.000	68.871.540.000
Cộng	300.000.000.000	300.000.000.000

4.14.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.000.000	30.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.14.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	28.583.993.317	26.753.359.487
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.675.901.541)	(3.447.878.139)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.908.091.776	23.305.481.348
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	830	777

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 17 tháng 04 năm 2018.

4.14.5. Cổ tức

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức đã trả trên tổng số của cổ phiếu phổ thông	21.000.000.000	24.000.000.000

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ với các bên liên quan – Xem thêm mục 7	567.017.580	427.552.500
Doanh thu bán hàng	2.167.106.530	1.824.391.452
Doanh thu cung cấp dịch vụ	350.764.184.298	336.327.872.121
Cộng	<u>353.498.308.408</u>	<u>338.579.816.073</u>

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.355.483.785	822.442.131
Giá vốn của thành phẩm đã bán	292.659.844.453	280.216.550.600
Cộng	<u>294.015.328.238</u>	<u>281.038.992.731</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.119.499.666	3.012.463.163
Cổ tức, lợi nhuận được chia	750.000.000	750.000.000
Cộng	<u>3.869.499.666</u>	<u>3.762.463.163</u>

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.600.181.666	10.501.151.865
Chi phí vật liệu quản lý	632.431.675	731.745.048
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.214.629.309	927.823.783
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	5.102.687.684	6.123.225.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	637.702.940	830.301.029
Thuế, phí và lệ phí	707.904.097	717.665.874
Chi phí dự phòng	34.864.305	15.258.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	915.927.330	893.215.987
Chi phí bằng tiền khác	8.139.277.434	7.875.045.743
Cộng	<u>28.985.606.440</u>	<u>28.615.433.033</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.037.411.326	140.449.900.921
Chi phí nhân công	105.976.654.813	107.163.554.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.254.410.693	21.438.191.383
Chi phí dự phòng	34.864.305	15.258.500
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	5.102.687.684	6.123.225.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.788.680.813	14.250.019.114
Chi phí khác bằng tiền	23.436.251.491	18.727.343.258
Cộng	<u>324.630.961.125</u>	<u>308.167.492.609</u>

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	35.301.788.740	33.274.824.321
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.831.880.678	2.661.786.411
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(750.000.000)	(750.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	<u>37.383.669.418</u>	<u>35.186.610.732</u>
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh cho mức thuế suất 20%	6.400.536.782	6.341.223.849
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh cho mức thuế suất 10%	538.098.551	348.049.149
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>6.938.635.333</u>	<u>6.689.272.998</u>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không hóa đơn chứng từ, các khoản trích trước chưa có hóa đơn và cổ tức được nhận.

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Xúc vận chuyển rác;
- Thu gom rác phố;
- Xử lý rác;
- Công viên công cộng, dây phân cách;
- Hoạt động khác.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

	Xúc vận chuyển rác		Thu gom rác phố		Xử lý rác		Công viên công cộng, đây phân cách		Hoạt động khác		Đơn vị tính: Ngàn đồng	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu												
Từ khách hàng bên ngoài	150.824.631	140.278.338	46.181.498	43.865.155	63.151.567	52.177.635	21.892.230	26.676.383	71.448.382	75.582.305	353.498.308	338.579.816
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	150.824.631	140.278.338	46.181.498	43.865.155	63.151.567	52.177.635	21.892.230	26.676.383	71.448.382	75.582.305	353.498.308	338.579.816
Kết quả hoạt động kinh doanh												
Kết quả của bộ phận CP không phân bổ	40.790.918	35.071.327	3.849.998	3.488.032	(2.270.529)	46.577	2.496.193	5.529.244	14.616.400	13.405.643	59.482.980	57.540.823
Thu nhập tài chính											28.985.606	28.615.433
Lợi nhuận trước thuế											3.869.500	3.762.463
Thuế thu nhập doanh nghiệp											35.301.789	33.274.824
											6.938.635	6.689.273
Lợi nhuận sau thuế											28.583.993	26.753.359

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)****Các thông tin khác**

	Xúc vận chuyển rác		Thu gom rác phố		Xử lý rác		Công viên công cộng, đây phân cách		Hoạt động khác		Đơn vị tính: Ngàn đồng	
	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	40.170.098	42.342.462	-	-	8.723.632	13.075.119	-	11.767	52.208.411	46.330.818	101.102.141	101.760.165
											388.703.181	372.800.644
Tổng tài sản											489.805.322	474.560.809

**Nợ phải trả không
phân bổ**

	Xúc vận chuyển rác		Thu gom rác phố		Xử lý rác		Công viên công cộng, đây phân cách		Hoạt động khác		Đơn vị tính: Ngàn đồng	
	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Nợ phải trả không phân bổ											144.411.780	133.303.382
Tổng nợ phải trả											144.411.780	133.303.382

**Chi phí mua sắm
tài sản trong kỳ
Chi phí khấu hao
trong kỳ**

	Xúc vận chuyển rác		Thu gom rác phố		Xử lý rác		Công viên công cộng, đây phân cách		Hoạt động khác		Đơn vị tính: Ngàn đồng	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ Chi phí khấu hao trong kỳ	10.321.139	10.023.520	-	-	4.350.741	4.374.857	11.767	11.767	8.570.764	7.028.048	28.530.175	37.664.622
											23.254.411	21.438.191

Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Tỉnh Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh, vì vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng tập đoàn
3. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
4. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
5. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vật liệu Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	Công ty cùng tập đoàn
8. Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
9. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng tập đoàn
10. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng tập đoàn
11. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng tập đoàn
12. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
13. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng tập đoàn
14. Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1	Công ty cùng tập đoàn
15. Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản Trị Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
16. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	-	48.102.600
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	12.100.000	7.678.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	10.898.920	10.898.920
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	4.180.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	1.122.000	638.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	814.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vật liệu Đồng Nai	-	825.000
Cộng – Xem thêm mục 4.3	29.114.920	68.142.520
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả người bán - Xem thêm mục 4.8:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	(3.245.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Người mua trả tiền trước:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	(143.927.420)	-
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán hàng:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	269.303.489	111.780.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	-	3.360.000
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	68.260.000	92.880.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	3.000.000	3.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	-	19.800.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	44.430.000	31.920.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	44.595.000	43.080.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	9.815.000	7.757.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.860.000	2.420.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	11.100.000	6.105.000
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	64.380.000	68.080.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	44.215.000	37.370.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1	5.059.091	-
Cộng – Xem thêm mục 5.1	567.017.580	427.552.500
	Năm 2018	Năm 2017 VND
Mua dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	641.591.000	519.247.940
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	656.509.148	609.954.600
Cộng	1.298.100.148	1.129.202.540

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
--	-------------------------------	-------------------------------

Người mua trả tiền trước:

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	(143.927.420)	-
-----------------------------------	---------------	---

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
--	-----------------	-----------------

Bán hàng:

Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	269.303.489	111.780.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	-	3.360.000
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	68.260.000	92.880.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	3.000.000	3.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	-	19.800.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	44.430.000	31.920.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	44.595.000	43.080.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	9.815.000	7.757.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.860.000	2.420.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	11.100.000	6.105.000
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	64.380.000	68.080.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	44.215.000	37.370.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1	5.059.091	-

Cộng – Xem thêm mục 5.1**567.017.580****427.552.500****Năm 2018****Năm 2017****VND**

Mua dịch vụ:

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	641.591.000	519.247.940
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	656.509.148	609.954.600

Cộng**1.298.100.148****1.129.202.540**

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao và thu nhập	2.556.830.769	2.155.015.385

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	413.409.231	426.240.000

9. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công trình xây dựng khu xử lý chất thải tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	26.607.458.761	35.165.041.492

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2017 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2017 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	777	803
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	777	803

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (báo cáo tài chính năm 2017 được ghi nhận theo số tạm tính).

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

12. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Tại ngày 31/12/2018, Công ty chưa xây dựng đề án chi phí sau đóng bãi của công trình xây dựng khu xử lý chất thải tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai. Do đó, Công ty chưa có đầy đủ căn cứ để ghi nhận vào kết quả kinh doanh phần chi phí sau đóng bãi tương ứng với giá trị doanh thu xử lý rác đã ghi nhận.

Ngoài ra, đối với dịch vụ công ích xúc vận chuyển mà Công ty đã thực hiện cho địa bàn Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai như sau:

- Công ty chưa nhận được văn bản duyệt giá chính thức từ Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, Công ty đã được nghiệm thu khối lượng thực hiện cho cả năm 2018 với Phòng Tài Nguyên Môi trường Huyện.
- Đồng thời, theo Công văn số 10038/UBND-KT của UBND Tỉnh Đồng Nai ngày 24/09/2018 về chủ trương tạm ứng chi phí xúc vận chuyển và xử lý rác thải từ đầu năm 2018 đến thời điểm các địa phương cấp huyện lựa chọn được nhà thầu, theo đó UBND Tỉnh Đồng Nai cho phép mức tạm ứng tối đa là 70% giá trần đã được Ủy Ban Nhân dân Tỉnh phê duyệt. Do đó, Công ty hiện mới ghi nhận doanh thu từ dịch vụ công ích xúc vận chuyển trên địa bàn Huyện Vĩnh Cửu tương ứng với 70% giá đã được đấu thầu năm 2017. Giá trị doanh thu và giá vốn ước tính Công ty chưa ghi nhận đầy đủ vào báo cáo kết quả kinh doanh cho công việc đã hoàn thành lần lượt là 1,78 tỷ VND và 1,53 tỷ VND.



Phê duyệt

Trần Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng



Biên Hòa, ngày 05 tháng 4 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT *th*



Trần Anh Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ	Số 12 đường Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
Số điện thoại	02513.951771
Số fax	02513.952505
Website	<u>www.sonaenco.com.vn</u>